

SỐ 1849

# LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN NỘI NGHĨA LƯỢC THẨM KÝ

*Thái Hiền soạn*

Nay giải thích luận này, tạm chia làm hai môn:

1. Nói về đại ý luận.
2. Tìm hiểu nghĩa trong luận.

## **ĐẠI Ý CỦA LUẬN:**

Phàm nguồn chân vắng lặng, thức chẳng thể lường được, pháp tánh rỗng rang, chẳng thể dùng lời bày tỏ. Do tâm đại bi không dứt, Đức Phật bủa lưới giáo khắp biển khổ để cứu giúp cả trời người. Mặt trời trí tuệ không nghiêng lệch, làm ánh sáng lành chiếu soi trong đêm mờ tối, để lay động giấc mộng dài.

Sau khi Như Lai diệt độ, có Bồ-tát hiệu là Mã Minh, là bậc vượt hơn Tam hiền, ở địa vị Thập thánh, trí tuệ sáng suốt bên trong, lòng từ bi trùm khắp bên ngoài, tinh thông cùng tột ý chỉ, xem xét căn cơ chúng sinh, khéo biết tánh dục, đương thời soạn luận, là bộ luận này. Lý bao gồm các kinh điển, nghĩa thâm tóm cả ngôn từ, văn chương sáng sửa, tông chỉ dễ rõ. Dù cho chư Phật mười phương rộng khen ngợi phước lâu dài, trong khoảng bữa ăn tư duy chân chánh cũng không thể cùng tận. Chánh đạo nhờ đây mà hương thịnh, tà đạo do đây mà lui sụt. Mặt trời Phật trở lại rực rỡ, chánh pháp lại được truyền bá. Cho nên kinh Duy-ma nói: “Sau khi Như Lai diệt độ khoảng sáu trăm năm, có chín mươi sáu thứ ngoại đạo tranh khởi nhau, muốn hủy báng Phật pháp. Khi ấy, có Tỳ-kheo Bồ-tát Mã Minh nói pháp yếu, hàng phục tất cả các ngoại đạo”.

**TÌM HIỂU NGHĨA TRONG LUẬN:**

Có ba môn:

- Nói thuộc về tạng bộ nào
- giải thích đề mục
- nêu chỉ thú

**1. Thuộc về tạng bộ nhiếp nào:**

Có hai, hoặc có ba:

Ba tạng:

- Tạng Tố-đất-lãm, Hán dịch là Khế Kinh.
- Tạng Tỳ-nại-da, Hán dịch là Điều Phục.
- Tạng A-tỳ-đạt-ma, Hán dịch là Đối Pháp.

Ba thứ kinh, luật, luận này là năng thuyết; ba thứ giới, định, tuệ là sở thuyết, theo thứ lớp mà phối hợp.

Hai tạng là:

- Thanh văn tạng
- Bồ-tát tạng

Mười hai bộ kinh là:

1. Khế kinh.
2. Ứng tụng.
3. Ký biệt.
4. Phúng tụng.
5. Tự thuyết.
6. Duyên khởi.
7. Thí dụ.
8. Bốn sự.
9. Bốn sinh.
10. Phương quảng.
11. Hy pháp (Pháp vị tăng hữu).
12. Luận nghĩa.

Nay trong luận này trong hai nghĩa là thuộc tạng Bồ-tát. Trong ba nghĩa là thuộc Đối pháp tạng. Trong mười hai bộ là thuộc kinh Luận nghị.

**GIẢI THÍCH ĐỀ MỤC:**

Đại là ngay nơi thể làm đề mục, nghĩa là bao gồm.

Thừa là đứng về mặt dụ mà gọi, vận tải làm công. Pháp, dụ hợp nêu lên, nên gọi là Đại thừa. Đại thừa là cảnh sở tín, nghĩa thể là năng.

Khởi tín là tâm năng tín, vắng lặng làm tánh. Tâm, cảnh hợp nêu gọi là Đại Thừa Khởi Tín.

Luận là luận tập nghĩa. Nghĩa là khách chủ đối đáp, phân tích nghĩa sâu kín, luận lượng chánh lý, nên gọi là Luận.

Lại, Đại đứng về mặt nghĩa có ba:

Thể đại: Trùm khắp tất cả phàm phu, Tiểu thừa, Bồ-tát, chư Phật và tất cả khí thế gian... không có thêm bớt.

Tướng đại: Thể đại này đầy đủ vô lượng tánh công đức, như tám đức của nước, chẳng khác với nước.

Dụng đại: Là hai dụng báo và hóa. Báo, có công năng thành tựu nhân duyên thế gian. Hóa, có công năng thành tựu nhân quả xuất thế gian. Tận mé vị lai chẳng dứt hóa dụng.

Thừa, đứng về mặt dụng là Phật tánh. Ba địa vị này thành tựu nghĩa vận hành, tự tánh trụ Phật tánh là sở thừa. Nêu ra Phật tánh là năng thừa, đến được quả Phật thừa rốt ráo. Ba nghĩa Thể, Tướng, và Dụng chỉ một tâm chuyển. Theo Du-già, Hiền Dượng, Tạp Tập, Trang nghiêm và luận Thập nhị môn... mỗi bộ giải thích bảy thứ tánh đại. Lại các chỗ khác nói Đại có mười nghĩa, rất rườm rà nên ở đây không nói.

Khởi là phát khởi, tự có bản giác huân tập bên trong làm nhân, bạn lành nghe huân, dụng đại làm duyên. Đối với thắng cảnh này phát khởi tâm tịnh tín, như hạt châu thủy tinh. Duy Thức Nhiếp Luận đều nói ba thứ tín tâm, luận này ở sau nói bốn thứ tín tâm. Luận Duy Thức nói:

Tin thật có: Nghĩa là đối với chân thật trong các pháp, trong sự lý nên tín nhẫn sâu.

Tin có đức: Nghĩa là tín ưa sâu xa đối với trong Tam hiền tánh đức chân chánh.

Tin có khả năng: Nghĩa là đối với tất cả việc lành thế gian, tin sâu có khả năng được thành tựu mà khởi hy vọng.

Vì sao nói tin mà không nói các hạnh? Tin là gốc hạnh, nên văn sau nói: “Tự tin tánh mình, biết tâm vọng động, tu pháp xa lìa”. Phẩm Hiền Thủ trong Hoa Nghiêm chép: “Tin là nguồn đạo, là mẹ công đức, nuôi lớn tất cả pháp lành, dứt trừ lưới nghi, ra khỏi dòng ái, mở bày đạo Niết-bàn vô thượng”. Hơn ba trăm bài tụng khen ngợi đức tín tâm, trong phẩm Tịnh Hạnh có một trăm bốn mươi bài tụng cũng nói rõ về đức tín tâm.

Trong đây Khởi tín là nói về mặt tín thành tựu. Nghĩa là nhập trụ bất thoái, khiến cho tín tâm ở trước thành căn không mất.

**NÊU CHỈ THỨ.**

Trong đây lược có tám nghĩa:

1. Nghĩa quy kính tam bảo
2. Nghĩa hòa hợp thức
3. Nghĩa bốn tướng
4. Nghĩa bản giác
5. Nghĩa vô minh
6. Nghĩa nhân duyên sinh diệt, cũng gọi là năm ý
7. Nghĩa sáu nhiễm
8. Nghĩa thân phật.

**1. NGHĨA QUY KÍNH TAM BẢO :**

Luận này chia làm ba, là tựa, chánh, và lưu thông. Giải thích có ba môn:

Đứng về mặt luận chủ

Đứng về mặt luận pháp

Đứng về mặt lợi ích chúng sinh.

Luận chủ, có ba:

Ba bài tụng đầu của luận quy kính thỉnh che chở, tức là chỗ luận chủ nương vào đó để khởi hạnh.

Từ Luận nói trở xuống, là vì chúng sinh nói chánh nghĩa, là hạnh pháp thí của luận chủ.

Một bài tụng sau cùng là kết luận hồi hướng, tức nguyện lớn theo hạnh mà khởi.

Cho nên ba phần đều thành tựu hạnh nguyện chiếu soi hiển bày mặt trời Phật, pháp thí chúng sinh của luận chủ, hai phần kia như số.

Ba bài tụng, chia làm hai:

Hai bài đầu của bài tụng nói về quy kính Tam bảo.

Một bài tụng sau nói về ý cung kính.

Quy kính Tam bảo. Có hai:

Quy kính, là nói lên tâm chí thành năng quy kính.

Nói rõ chỗ quy kính sâu rộng. Tận mười phương... trở xuống,.

Chí thành năng quy kính. Có ba nghĩa:

Quy là nghĩa thú hướng. Mạng là tánh mạng thân mình, chỗ trọng của sinh linh, không có gì hơn đây, lấy đó làm đầu. Nay đây luận chủ được lòng tin bất hoại, đem hết tánh mạng mà mình coi trọng để quy hướng Tam bảo, xin soạn thuật thêm.

Quy là nghĩa kính thuật. Mạng là giáo mạng của chư Phật ở đây

nói rõ luận chủ kính phụng Như Lai vâng theo lời dạy, truyền pháp lợi sinh.

Quy nghĩa là trở về nguồn. Nghĩa là sáu căn của chúng sinh từ một tâm khởi, mà ngược lại nguồn của mình, đuổi theo sáu trần, nay nêu mạng căn nhiếp hết sáu tình, quay về một nguồn tâm, nên nói là Quy mạng.

Nói về sở quy kính sâu rộng. Tận mười phương... trở xuống. Có hai ý:

Chẳng phải quy y thẳng Tam bảo một phương, mà còn cung kính khắp mười phương.

Trong mười phương chẳng phải quy y một hay hai cõi, mà còn quy y tất cả Tam bảo vô tận cõi trong mỗi phương.

Hai hàng tụng này, lược giải thích có ba:

Một câu đầu là tổng kết, ba câu kế là nói Phật bảo, ba câu kế nữa nói về Pháp bảo, một câu sau cùng nói về Tăng bảo.

Một câu đầu là Phật, hai câu kế là Pháp, hai câu sau là Tăng.

Sáu câu đầu là Phật, một câu kế là Pháp, một câu sau cùng là Tăng.

Nay đứng về mặt giải thích nói về bốn nghĩa trong Phật bảo:

Đứng về mặt ba nghiệp: Nghĩa là ý nghiệp biết khắp, thân nghiệp vô ngại, ngữ nghiệp từ bi cứu giúp. Ba nghiệp này cao quý như thứ lớp phối hợp ba câu.

Đứng về mặt hai lợi: Nghĩa là hai câu đầu nói về đức tự lợi, bên trong có biết khắp, bên ngoài có sắc vô ngại. Câu cứu thế gian nói lên đức lợi tha, như đại Trưởng giả vào nhà lửa để cứu khổ thiêu đốt.

Đứng về mặt ba đức: Nghĩa là đại định, đại trí, đại bi là tổng kết đức thuộc về người. Người đầy đủ các đức trên đây là Phật.

Nói về văn: Đây nói về hai thân Báo và Hóa. Pháp thân nhập Pháp bảo.

Biết khắp, có hai:

Chân trí: Tâm biết khắp thuộc môn Chân như có Hằng sa công đức.

Tục trí: Tâm biết khắp môn sinh diệt duyên khởi khác nhau, lý lượng đều soi, không biết khắp điên đảo.

Pháp bảo, có bốn là: Giáo, lý, hạnh, quả. Ba câu chia làm hai, một câu đầu là nêu lên, hai câu sau là giải thích.

Trong phần đầu, thể là thể đại, tướng là tướng đại, vì trong Dụng đại nói rõ thân Báo, Hóa. Cho nên hai đại, Thể và Tướng, thuộc về

Pháp thân, vì Dụng đại kia nương thể tướng mà khởi nên hội quy về gốc, nên nói thể tướng của thân kia.

Hai câu sau: Pháp tánh là giải thích Thể đại, Vô lượng là giải thích Tướng đại...

Tăng bảo:

Tăng: Chung cả phàm Thánh.

Bảo: Chỉ cho địa vị thánh.

Thánh: Chung cả đại tiểu. Bồ-tát là cao quý, cho nên trong đây chỉ quy y Đại Bồ-tát Tăng Địa Thượng.

Chứng lý khởi hạnh gọi là Như thật tu. Như thật tu hành là chánh thể trí. Chử đấng là trí Hậu đắc. Điều như văn sau kinh Pháp Tập và Luận Bảo Tánh nói.

*Ý cung kính:* Có ba ý:

- Vì lợi ích chúng sinh
- Vì hạt giống Phật không đoạn
- Vì pháp trụ lâu

Bốn câu chia làm hai:

Chỗ vì người: Tức là trong nhóm Bất định gồm hai hạng tà định và chánh định. Lại, sáu địa vị đều là mục đích, tức một câu đầu.

Chỗ thành tựu lợi ích, có hai: Trước là lợi ích lìa lỗi; sau là thành tựu hạnh, lợi ích tức ngay nơi hai câu kế vạy.

Lợi ích lìa lỗi: Vì nghi nên mê chân mất an vui, vì chấp nên khởi các vọng gieo trồng các khổ. Trong Địa luận, Bồ Tát có ba thứ quán chúng sinh, khởi tâm đại từ bi là:

- Lìa vui nghĩa đệ nhất
- Đầy đủ các khổ
- Bị hai điên đảo.

**Giải thích:** Chân lạc sẵn có, mất mà không biết. Vọng khổ vốn không, được mà chẳng hay. Ở chỗ ấy được mất đều không hay biết. Nên Bồ-tát nay sinh tâm từ bi mà soạn luận. Tức phần lập nghĩa ở sau nói lên chánh nghĩa. Dứt nghi thì ngộ chân, trị chấp được lìa khổ.

Phần nhân duyên nói: Xa lìa si mạn ra khỏi lưới tà, nên nói dứt nghi xả bỏ tà chấp. Hai hạnh thành tựu này là ở nơi chân không nghi, đối với tà không chấp. Chưa biết đối với thừa nào khởi hạnh? Nghĩa là đối với Đại thừa, vì pháp căn bản rất ráo, chẳng hay đối với Đại thừa khởi những hạnh gì? Đó là khởi hạnh tín tâm, vì tín là gốc của các hạnh, cho nên khởi chánh tín Đại thừa, tức là phần phát thú đạo tướng ở sau, và phần tu hành tín tâm mà thành hạnh này.

Thành tựu ý lợi ích:

Nghĩa là giúp cho chúng sinh lìa lỗi, đầy đủ lòng tin, thành tựu hạnh, thành tựu quả. Nên nói hạt giống Phật chẳng dứt. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Gieo hạt giống Phật trong ruộng chúng sinh, sinh mầm chánh giác, cho nên khiến cho Phật bảo chẳng dứt”.

Lại nữa, nói rộng hạt giống Tam bảo chẳng dứt, tức phần khuyến tu lợi ích. Lại có nơi giải thích rằng: Đại ý soạn luận không ngoài hai thứ:

Nửa phần trên nói về dưới giáo hóa chúng sinh.

Nửa phần dưới nói về trên mở mang Phật đạo.

Sở dĩ chúng sinh chìm lâu trong biển sinh tử, chẳng hưởng về bờ Niết-bàn, chỉ do nghi hoặc tà chấp, nghi có hai thứ:

Nghi pháp làm chướng phát tâm.

Nghi môn làm chướng tu hành.

Nghi pháp: Pháp thể Đại thừa là nhiều hay là một? Nếu là một, thì tức là pháp vô úy. Pháp vô úy nên không có các chúng sinh. Bồ-tát vì ai mà phát thệ nguyện rộng lớn? Nếu pháp là nhiều thì chẳng phải một thể. Chẳng phải một thể thì vật ngã đều khác nhau, đâu phát khởi đồng thể đại bi? Do đây không được phát tâm.

Nghi môn: Như Lai lập giáo môn rất nhiều, nếu nương môn nào đó phát khởi tu hành đầu tiên; nếu đều có thể nương, chẳng thể đón nhập; nếu nương một hay hai môn thì môn nào bỏ, môn nào theo? Do đây không khởi hạnh được.

Nay vì muốn dứt trừ hai nghi này, nên lập pháp nhất tâm, khai mở hai môn:

Lập nhất tâm: Dứt nghi ban đầu, nói pháp Đại thừa chỉ có nhất tâm, ngoài nhất tâm không còn có pháp khác, chỉ có vô minh tự mê nhất tâm của mình, khởi các lượn sóng, trôi lăn trong sáu đường. Tuy khởi lượn sóng sáu đường, cũng không ngoài biển nhất tâm. Do nhất tâm tạo sáu đường, nên phát thệ nguyện rộng lớn. Sáu đường không ngoài nhất tâm, nên sinh khởi đồng thể đại bi, vì vậy phát tâm được.

Mở hai môn: Dứt nghi thứ hai, giáo môn tuy nhiều, nhưng ban đầu nhập tu hành chỉ có hai môn. Nương môn chân như để tu hạnh Chỉ, nương môn sinh diệt mà khởi hạnh Quán. Chỉ Quán song tu muốn hạnh đều đầy đủ. Nhập hai môn này, các môn đều thông đạt, nên sẽ khởi hạnh.

Xả bỏ tà chấp là nhân chấp, pháp chấp.

Trên mở mang Phật đạo là dứt nghi hai bên, khởi lòng tin quyết

định, tin hiểu Đại thừa, chỉ là nhất tâm. Nên nói Đại thừa chánh tín.

Xả bỏ hai chấp phân biệt, được trí vô phân biệt, sinh vào nhà Như Lai, chắc chắn tiếp nối địa vị Phật, nên nói Hạt giống Phật không dứt. Như Trí luận nói: “Biển lớn Phật pháp tin thì vào được, trí tuệ độ được”. Nên nêu tín trí, nói về mở mang Phật đạo.

## 2. NGHĨA HÒA HỢP THỨC:

Lược có hai môn:

Giải thích năm phần, tám nhân.

Nói về ý chỉ kia.

Giải thích năm phần, tám nhân.

Giải thích năm phần có pháp là nêu chung pháp nghĩa, pháp nhất tâm, hai môn, ba đại, tức là pháp thể. Sinh khởi tín căn Đại thừa, nói về công năng của pháp. Nghĩa là đứng về môn Chân như. Tín lý quyết định là theo môn Sinh diệt. Nghiệp dụng chẳng mất là theo nghĩa đại, tin Tam bảo chẳng hoại. Tín căn là nhập trụ thành căn, căn có hai:

- Nghĩa năng trì: Tức tự phần chẳng mất.

- Nghĩa sinh hậu: Tiến lên để cầu.

Luận này không tự khởi, tạo phải có lý do, gọi là phần nhân duyên.

Nguyên do đến hưng khởi, lược nêu cương yếu, khiến chúng sinh sinh tín, gọi là phần lập nghĩa.

Cương yếu đã nói sơ lại giải thích rộng để sinh hiểu, gọi là phần giải thích, giải thích rồi sinh hiểu.

Nướng hiểu khởi hành, hiểu mà không hành, thì chẳng phải chỗ tương ứng. Nên có phần tu hành tín tâm.

Tuy chỉ bày hành nghi, nhưng người độn căn biếng nhác kiêu mạn, nên nêu lợi ích khuyến tu, cho nên có phần khuyến tu hành lợi ích.

Giải thích tám nhân duyên:

Một loại đầu là chung, bảy loại sau là riêng.

Phần chung: Ý nói khiến hữu tình lìa ba khổ, hai tử, được bồ-đề Niết-bàn, nên hay soạn luận này.

Phần riêng:

Ban đầu tạo nhân duyên phần lập nghĩa và phần trình bày, giải thích chánh nghĩa và đối trị tà chấp. Nếu phối hợp địa vị là địa vị Tam hiền. Trong môn Sinh diệt, bản giác gọi là Như, Thỉ giác gọi là Lai. Thỉ bốn không hai gọi là Như Lai. Tức hiển bày sở chứng gọi là Như, năng chứng gọi là Lai, cho nên các chúng sinh chưa được chánh thể trí, là



Như mà không Lai.

Thứ hai là tạo nhân cho phát thú đạo tướng, đây là ngay nơi Thập tín chung tâm.

Thứ ba là tạo nhân cho vẫn trong tu hành tín tâm, trong bốn thứ tín tâm và bốn thứ tu hành. Đây là ngay Thập Tín trụ tâm.

Bốn thứ còn lại là Thập tín sơ tâm. Trong bốn thứ là: Hạ, trung, thượng và một thứ sau là sách tấn tu hành. Trong ba loại thượng phẩm sinh Tịnh độ, là Mãn Tín tâm.

Trong phần lập nghĩa:

Pháp là pháp thể Đại thừa, chung cho cả nhiệm tịnh.

Nghĩa, Đại thừa gọi là Nghĩa, tâm này đủ ba nghĩa đại, nên gọi là Đại, có hai. Vận chuyển là thừa, tức nhân thừa và quả thừa.

Tâm chúng sinh, phát xuất ra pháp thể kia. Có nghĩa là một Như Lai tạng tâm bao gồm hai thức hòa hợp chẳng hòa hợp, đều ở địa vị chúng sinh. Nếu tại địa vị Phật, nghĩa không hòa hợp, vì thỉ đồng bốn, chỉ là chân như. Nay đứng về mặt chúng sinh theo dòng, thì có đủ hai thức này.

Nhiếp tất cả pháp thể gian và xuất thế gian. Nếu theo nhiệm thì thành bất giác, tức thuộc về pháp thể gian. Bản giác bất biến và Thỉ giác biến nhiệm là thuộc về pháp xuất thế gian.

Nói lên Đại thừa khác Tiểu thừa, do tâm này nhiếp chung các pháp, tự thể các pháp chỉ là nhất tâm, chẳng đồng với Tiểu thừa các pháp đều có tự thể. Đây đứng về môn Chân như, tức dung nhiếp nhiệm tịnh chẳng phân, cho nên nhiếp chung.

Trong phần giải thích:

Có ba môn:

- **Trình bày môn chánh nghĩa:** Nghĩa là chánh giải thích chỗ lập nghĩa pháp Đại thừa.

Môn đối trị tà chấp: Nghĩa là đã nói chánh lý, dứt trừ tình hoặc.

Môn phân biệt phát thú đạo tướng: Nghĩa là dẹp nhân pháp tà chấp. Chính là nói thêm bậc thú hưởng chân chánh.

Nói về ý hòa hợp, một Như Lai tạng tâm bao trùm hai nghĩa:

Nghĩa tự tánh bất biến dứt tướng: Tức môn Chân như. Nghĩa là chẳng phải nhiệm tịnh, chẳng sinh diệt, chẳng động chuyển, bình đẳng một vị. Chúng sinh tức Niết-bàn, lại chẳng đối diệt. Phạm phu, Di-lặc đồng một mé.

Nghĩa chẳng giữ tự tánh tùy duyên: Tức môn Sinh diệt. Nghĩa là theo huân động thành nhiệm tịnh, mà tánh thường chẳng động. Do chẳng

động, nên thành nhiễm tịnh. Cho nên bất động cũng ở môn động.

Trong thức có hai nghĩa, Bản giác là cùng tột tự thể sinh diệt, nên kinh nói: “Như Lai tạng, là nhân thiện, bất thiện, chịu khổ vui cùng chung nhân, hoặc sinh hoặc diệt...”. kinh Thắng-man nói: “Bất nhiễm ma nhiễm, nhiễm mà bất nhiễm, khó có thể biết...” là nghĩa này. Hai môn này toàn thể dụng chung mà chẳng phân, thể tướng không hai gọi là nhất tâm có hai môn. Như phẩm Tập Nhất Thiết Phật Pháp trong kinh Lăng-già chép: “Tịch diệt gọi là Nhất tâm. Nhất tâm gọi là Như Lai tạng” ba loại này là môn chân như, tức giải thích kinh, vốn vắng lặng gọi là nhất tâm. Nhất tâm là môn sinh diệt, tức giải thích nhất tâm gọi là Như Lai tạng. Lại, tâm thể này có bản giác mà do theo vô minh động tác sinh diệt, nên trong môn này, tánh Như Lai ẩn chẳng hiển, gọi là Như Lai tạng.

Văn sau nói: “Tâm sinh diệt là nương Như Lai tạng nên có tâm sinh diệt”. Bất sinh diệt hòa hợp với sinh diệt, chẳng phải một chẳng phải khác, gọi là thức A-lại-da. Thức này có hai thứ đó là nghĩa Giác và nghĩa Bất giác. Nên biết chẳng những lấy tâm sinh diệt làm môn Sinh diệt, cũng lấy luôn tự thể và tướng sinh diệt, đều ở môn sinh diệt, là chính nghĩa nhân.

Cái gọi là nhất tâm là các pháp nhiễm tịnh, tánh kia không hai; Hai môn Chân vọng không khác, nhau gọi là Nhất. Chỗ không hai này tạo sự trung thực cho tất cả pháp, chẳng đồng hư không, tánh tự thân giải, nên gọi là Tâm. Kia đã không hai thì chỗ nào có một. Một không thật có thì cái gì gọi là Tâm. Đạo lý như thế, lìa ngôn bật lự. Lại, gọi Tự nội thánh trí chứng pháp, nghĩa là muốn chứng kiến nhất tâm này, phải phá dẹp tất cả các pháp, xa lìa tất cả ngoại trần phân biệt, tức hay tác ý, tự hay thông đạt. Do đó thánh trí lìa hẳn năng sở, mới được chứng hội pháp môn nhất tâm. Cho nên gọi là Tự thánh trí chứng pháp.

Tâm này gọi là A-lại-da, nghĩa là các chúng sinh chấp làm ngã bên trong. Sở dĩ như vậy vì thể của tâm này, thần giải làm tánh, nhỏ nhiệm duyên khắp, tự một tự thường. Cho nên người ngu lấy tướng tự làm chân, chấp làm ngã bên trong, thuộc ngã kiến, là lấy chỗ nhiếp làm tạng. Thế nên hai thứ ngã và kiến thường không khởi, tức thành tự tên gọi A-lại-da. Không có năng nhiếp nên không có sở nhiếp. Lại, thức này gọi là Như Lai tạng. Nghĩa là nhất tâm theo gió vô minh trôi lăn. Nay thuận như lý, trở về nguồn tâm. Thừa Như mà Lai nên gọi là Như Lai.

Tạng là nghĩa ẩn. Pháp thân Như Lai ẩn hiển là hai, nhưng do

chúng sinh bị vô minh che lấp nên không hai. Như Lai ẩn mà chưa hiển, gọi là Như Lai tàng. Như kinh Thắng-man Phu Nhân nói khi ẩn gọi là Như Lai tàng, khi hiển gọi là Pháp thân. Nghĩa năng nhiếp cho rằng nhất tâm là chỗ quy về của chư Phật, nên năng nhiếp tàng tất cả Như Lai. Nghĩa sở nhiếp là Như Lai chí công, nhiếp các chúng sinh lấy làm tự thể, vì thuộc Như Lai. Cho nên năng nhiếp, sở nhiếp chẳng khác. Như kinh nói: “Pháp thân tức chúng sinh, chúng sinh tức Pháp thân. Pháp thân và chúng sinh, tên khác mà nghĩa một”.

**- Trong môn Chân như:**

Dứt hẳn chân như ngôn ngữ, là trong văn có sáu câu lia tướng nói năng.

Nương chân như và ngôn ngữ, là hai môn chân như không và bất không.

Chân như không: là nghĩa diệt không tất cả phiền não, và phá chấp bốn tông ngoại đạo Số luận...

Lại phá diệt là tính đếm.

Chân như bất không là nghĩa đầy đủ bốn đức thường... Luận nói: Thường hằng bất biến, tịnh pháp đầy đủ, nên gọi bất không. Lại trong môn này nói lý, tuy chân như cũng chẳng thể nói, mà cũng chẳng phải không, có Phật không Phật, tánh tướng thường trụ, không có đổi khác, không thể phá hoại.

Giả lập tên gọi chân như, thật tế... như các kinh Đại Phẩm đã nói. Lại nói mé chân bất động kiến lập các pháp, chẳng hoại giả danh mà nói thật tướng.

**- Trong môn sinh diệt:**

Lý tuy lia tướng chẳng giữ tánh thường, tùy duyên trôi lăn. Tuy tùy duyên bị nhiễm mà tự tánh thanh tịnh. Giả lập các tên gọi Phật tánh, bản giác, như kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm nói. Lại nói tự tánh thanh tịnh tâm, do gió vô minh động, chẳng nhiễm mà nhiễm, nhiễm mà chẳng nhiễm... Nay chỗ thuật của luận, theo kinh Lăng-già... đều lấy hai môn để làm tông thể kia. Vì trong môn Sinh diệt nương Như Lai tạng nên có tâm sinh diệt. Kinh Thắng-man Phu Nhân nói: “Nương vào Như Lai tàng nên có sinh tử. Nương Như Lai tàng nên có Niết-bàn...” Như nước bất động, bị gió thổi nên làm động nước. Động tịnh tuy khác nhưng thể nước là một, cũng nương nước tĩnh mà có nước động, nên biết trog đây lý cũng như vậy. Tự tánh thanh tịnh tâm gọi là Như Lai tạng, do gió vô minh động làm sinh diệt, năng y sở y đều vào môn này, nên chẳng sinh chẳng diệt là Như Lai tạng. Sinh diệt là bẩy thức chuyển. Hai thức này

hòa hợp gọi là A-lại-da. Tâm sinh diệt, bất sinh diệt không có hai tướng. Sinh diệt của tâm do vô minh mà thành. Tâm sinh diệt là từ bản giác khởi, mà không hai thể, chẳng lìa nhau, nên nói hòa hợp. Như ở sau nói: “Như nước biển lớn, do gió nên sóng động. Tướng nước không xa lìa nhau. Động của nước này là tướng gió, ướt của động là tướng nước. Vì nước toàn thể động, nước chẳng lìa gió. Không động nào mà chẳng ướt, nên động không lìa nước. Tâm cũng giống như thế. Tâm bất sinh diệt là toàn thể động, nên tâm chẳng lìa sinh diệt. Sinh diệt không gì không phải chân, sinh diệt chẳng lìa tướng tâm, nên nói hòa hợp. Đây chính là tâm bất sinh diệt cùng sinh diệt hòa hợp. Vì là môn tùy duyên, nên chẳng phải sinh diệt hòa hợp với bất sinh diệt. Vì chẳng đồng gốc môn Chân như. Luận nói: “Chỉ chân thì chẳng sinh, riêng vọng thì chẳng thành. Chân vọng hòa hợp mới có sở tạo”.

Chẳng phải một chẳng phải khác. Nếu bất sinh diệt và sinh diệt, hai thứ này là một thì khi tướng thức sinh diệt diệt tận, chân tâm nên diệt, tức rơi vào đoạn. Nếu khác thì khi gió vô minh huân động, tâm thể tĩnh lặng lẽ ra chẳng tùy duyên, tức rơi vào thường. Lìa hai bên này, nên nói chẳng phải một chẳng phải khác. Lại, nếu một thì không hòa hợp, nếu khác thì cũng không hòa hợp. Do chẳng phải một chẳng phải khác nên được hòa hợp.

Bốn câu chân vọng hòa hợp:

Như Lai tạng thì bất sinh diệt, như tánh ướt của nước.

Chuyển thức là sinh diệt, như sóng của nước.

Thức A-lại-da vừa sinh diệt cũng bất sinh diệt, như biển bao gồm động tĩnh.

Vô minh chấp điên đảo, chẳng phải sinh diệt, chẳng phải chẳng sinh diệt, như gió mạnh khởi sóng, chẳng phải nước chẳng phải sóng.

Trong bốn nghĩa này, hễ nêu một bất cứ nghĩa mà nhiếp nghĩa nào duyên khởi, thì lý đều không hai tướng. Vả lại, theo nghĩa tánh ướt bất sinh, động tĩnh chẳng phải một, nên nói trong nước không sóng, há sóng lìa ngoài nước có tự thể riêng ư? Tâm sinh diệt và bất sinh diệt chẳng hai này, gọi là thức A-lại-da. A-lợi-da và A-lại-da đều là do sự đọc sai của tiếng Phạm. Vào đời Lương có Tam Tạng Chân Đế dịch là Vô Một. Nay Tam Tạng Huyền Trang đứng về mặt nghĩa dịch là Tạng, là thuộc về nghĩa Tạng. Vô Một nghĩa là chẳng mất. Nghĩa một mà tên có khác, sở nhiếp gọi là tạng, năng nhiếp làm tên, nghĩa là tự thể năng tàng đối với các pháp, lại năng tàng các pháp ở trong tự thể, nên luận nói: “Năng tàng sở tàng”, ngã ái chấp tàng là đây. Đây là y nơi nghĩa

mà lập tên.

**- Giải thích tâm sinh diệt:**

Thức này có hai nghĩa... nghĩa này hơi khó. Nay gom văn trên dưới, trình bày ý này, tức là hai nghĩa chân như.

1. Nghĩa bất biến.
2. Nghĩa tùy duyên.

- Vô minh có hai nghĩa:

1. Nghĩa vô thể tức không.
2. Nghĩa có dụng thành sự.

Trong chân vọng này, mỗi thứ do nghĩa ban đầu mà thành môn Chân như, mỗi thứ do nghĩa sau mà thành môn sinh diệt. Đây là chân như tùy duyên và vô minh thành sự, mỗi thứ cũng có hai nghĩa:

1. Nghĩa trái với mình, thuận với người.
2. Nghĩa trái với người, thuận với mình.

- Trong vô minh:

Trái với mình thuận với người cũng có hai:

1. Phản đối tuyên chỉ, bày tánh đức.
2. Biết được danh nghĩa thành dụng tịnh.

Trái với người, thuận với mình cũng có hai:

1. Nghĩa che lấp chân lý.
2. Nghĩa thành vọng tâm.

Trong chân như:

Trái với người, thuận với mình, cũng có hai:

1. Nghĩa đối nghịch vọng nhiễm, hiển bày tự đức.
2. Bên trong huân vô minh khởi dụng thanh tịnh.

Trái với người, thuận với mình cũng có hai nghĩa:

Nghĩa tự ẩn chân thể.

Nghĩa hiển bày pháp vọng.

Trên đây, trong chân vọng mỗi thứ có bốn nghĩa. Do nghĩa vô minh phản đối chỉ bày, và trong nghĩa chân ngược lại vọng để trình bày đức. Theo nghĩa này có được Bản giác. Lại do vô minh biết được danh nghĩa, và nghĩa chân bên trong huân tập được có Thủ giác. Nghĩa trong vô minh che lấp chân và trong nghĩa chân ẩn thể, có được căn bản bất giác.

Lại do trong nghĩa vô minh thành vọng, và trong nghĩa chân hiện vọng, có được bất giác chi mật. Trong môn này chân vọng mỗi thứ chia làm bốn, rộng là tám môn. Nếu đứng về mặt hai hòa hợp thành duyên khởi thì có bốn môn. Nghĩa là hai giác, hai bất giác. Nếu gốc ngọn

không lia nhau, chỉ có hai môn. Nghĩa là giác và bất giác. Nếu bao gồm nhiếp chung chỉ có một môn, nghĩa là môn nhất tâm sinh diệt.

Nếu đứng về mặt môn thức phần tướng, bản giác vốn bất giác ở trong bốn thức. Ngoài ra ở trong thức sinh khởi, nếu đứng về mặt bốn mặt không hai môn đều ở trong một thức bản giác, nên nói “Thức này có hai nghĩa”.

**- Giải thích trong riêng:**

Bản giác là điều hòa tâm tánh này cho lia tướng bất giác, là tánh giác chiếu. Như luận nói: Nghĩa trí tuệ rộng lớn sáng suốt.

Thỉ giác tức tâm thể này duyên theo vô minh động thành vọng niệm, mà năng lực huân bản giác, nên có ít dụng giác, cho đến rốt ráo trở xuống hưởng về bản giác.

Căn bản vô minh, căn bản vô minh trong thức A-lại-da, không rõ chân như nhất vị. Luận nói: “Nương thức A-lại-da nói có vô minh, bất giác sinh khởi”.

Vô minh Chi mạng, tất cả pháp nhiễm do vô minh khởi, tức vô minh làm nhân sinh ba tế. Bốn thức này nhiếp cảnh giới làm duyên sáu trần sinh ra ý thức này.

Nhiếp Luận nói: “Tất cả pháp nhiễm đều là tướng bất giác”. Đại ý trong đây muốn nói rõ bản giác thành bất giác, bất giác thành thỉ giác, thỉ giác đồng bản giác, đồng bản giác nên tức không có bất giác, không có bất giác nên không có thỉ giác, không có thỉ giác nên không có bản giác, không bản giác nên bình đẳng bình đẳng, lia ngôn bất lự, cho nên quả Phật viên dung không chỗ nơi, đâu còn cái khác của thỉ bốn, làm sao nương gá cái khác của ba thân, chỉ tùy vật mà tâm hiện, nên nói Báo, Hóa, Dụng.

Hỏi: Vì sao môn chân như nói tức chỉ bày, môn sinh diệt nói hay chỉ bày?

Đáp: Môn chân như là môn bất khởi, không khác với thể bị hiển bày, lời nói không khác, nên nói tức là chỉ bày. Là bất khởi nên chỉ là nêu thể. Sinh diệt là môn khởi động, nhiễm tịnh tức khác, lời nói phân chia, năng sở chẳng đồng, nên chẳng nói “tức”.

Hỏi: Vì sao môn Chân như nói ngay thể, môn sinh diệt nói tự thể?

Đáp: Nghĩa ba đại được chỉ bày, lại ở tại trong năng thị sinh diệt hiển bày, nên nói là “tự”.

Hỏi: Là bất khởi nên chỉ nêu thể, môn khởi động chỉ nêu dụng?

Đáp: Bất khởi không tự khởi lập, không khởi nên chỉ nêu thể.

Khởi ất do bất khởi, khởi bao gồm bất khởi, nên trong khởi đầy đủ ba đại.

Hỏi: Hai môn đã khởi tướng nhiếp. Vì sao môn chân như chỉ nêu thể, môn sinh diệt nêu đủ ba đại?

Đáp: Chân như là môn dẹp tướng bày thật. Chẳng hoại tướng mà tức là dẹp, nên được xếp vào sinh diệt, tướng dẹp không còn, nên chỉ nêu thể. Sinh diệt là nắm lý thành sự, chẳng hoại lý mà thành sự, nên được nhiếp chân như, thành sự mà lý không mất nên chỉ bày ba đại.

Hỏi: Đã dẹp tướng không còn, nên chỉ nêu thể. Cũng có thể nắm giữ lý mà lý không còn, nên chỉ nêu tướng dụng?

Đáp: Không đúng, hễ sinh diệt khởi, phải nhờ chân nắm lý, lý không mất, chân chưa chắc do sinh diệt, nên dẹp tướng không còn, dẹp tướng không còn nên chỉ nêu thể. Lý không mất nên chỉ bày ba đại là nghĩa nhiếp thì giống nhau, nghĩa chỉ bày là khác.

Hỏi: Sự do hai môn nhiếp, có khác nhau chăng?

Đáp: Sự của môn chân như là tánh phân biệt, do nói các pháp không sinh, không diệt, xưa nay vắng lặng, chỉ nương vọng niệm mà có sai biệt, nên sự của môn sinh diệt là tánh y tha, vì nói các pháp nhân duyên hòa hợp có nghiệp quả.

Hỏi: Động tĩnh đã chẳng phải một, lẽ ra Như Lai tạng còn trong bầy thức, vì sao chẳng trụ trong A-lại-da?

Đáp: Động tĩnh không hai, là thức A-lại-da, nay đã chia ra động tĩnh, mà A-lại-da không có tự thể riêng, nên nói chẳng ở trong.

Hỏi: A-lại-da có cả động tĩnh, chẳng nên chỉ có môn sinh diệt?

Đáp: Khởi tĩnh thành động, không thể động riêng, theo động ở môn diệt, chẳng phải A-lại-da chẳng đầy đủ động tĩnh ở trong môn sinh diệt. Cũng là Như Lai tạng bất động, cũng ở môn này.

Hỏi: Một thức hai nghĩa, cùng một tâm hai môn đâu khác nhau?

Đáp: Nhất tâm bao gồm hai nghĩa, nghĩa là nghĩa bất biến và nghĩa tùy duyên, nay ở đây chỉ đứng về một bên tùy duyên tướng nhiễm tịnh, lý sự không hai. Nói về thức này nghĩa tâm là rộng, bao gồm hai môn. Nghĩa thức là hạn cuộc chỉ ở một môn.

### **3. NGHĨA BỐN TƯỚNG:**

Có hai môn:

1. Môn lưu chuyển.
2. Môn hoàn nguyên.

**1. Môn lưu chuyển**, có hai:



- Nói đại ý.
- Phân biệt nói.

**a. Nói đại ý:**

Nay bốn tướng này chỉ là đứng về mặt chân tâm theo huân thô tế sai biệt, nương nói bốn tướng, chẳng phải về mặt một sát-na tâm. Nếu nói theo một sát-na tâm thì như trong văn sau nói, tâm nghiệp thức sâu kín khởi diệt của Bồ-tát Địa Thượng. Trong đây tướng diệt khác nhau, phàm, tiểu đầu thể biết.

Lại trong sự thức, tướng thô sinh trụ. Bồ-tát Địa Thượng đầu không thể biết. Cho nên từ Thập địa trở xuống có đầy đủ bốn tướng sâu kín. Ở trong địa lại có tướng diệt, đầu phải tin mà biết được, nên ý hơi khác nhau. Trong đây có hai:

1. Chung.
2. Riêng.

Chung: Vốn tâm tánh lia niệm, bất sinh bất diệt mà có vô minh, mê tự tâm thể, trái với tánh vắng lặng, kích động khởi niệm nên có bốn tướng sinh diệt, là do sức gió vô minh, tâm thể năng niệm sinh trụ dị diệt, từ tế đến thô. Kinh nói: “Phật tánh theo dòng thành các thứ vị” Lại nói: “Tức Pháp thân này là chỗ lưu động của các phiền não, qua lại trong sinh tử, gọi là Chúng sinh”. Luận này nói: “Tự tánh thanh tịnh tâm, do gió vô minh động”. Nay theo nghĩa này để nói về bốn tướng. Đã đánh thức tâm tĩnh khiến động, nên có chấp trước sâu kín, chẳng đồng mé trước sau khác nhau. Theo mé trước rất vi tế gọi là tướng sinh, cho đến mé sau rất thô gọi là tướng diệt. Cho nên Luận Phật Tánh nói: “Tất cả pháp hữu vi, về mé trước tương ứng với tướng sinh. Đứng về mé sau tương ứng với tướng diệt. Đứng về mé giữa tương ứng với tướng trụ, dị”.

Riêng: là đối với văn sau theo vị mà phân biệt. Tướng sinh có một, tướng trụ có bốn, tướng dị có hai, tướng diệt có một.

**b. Phân biệt nói:**

Tướng sinh có một là nghiệp tướng. Nghĩa là do vô minh, bất giác tâm động. Tuy có khởi diệt mà kiến, tướng chưa phân. Do sức vô minh chuyển tịnh tâm kia đến đây rất sâu kín, gọi là tướng sinh. Vi tế sâu xa, chỉ Phật mới biết. Luận rằng: “Thức do vô minh khởi, cho đến chỉ có Phật mới hay biết”. Tức phần đầu trong ba tế, phần đầu trong sáu nhiễm, phần thứ nhất trong năm ý. Những thứ này đều đồng, đây là thuộc về tướng sinh.

Tướng trụ có bốn là:



- Chuyển tướng: Là vô minh bất giác nên động trước tức không động, chuyển thành năng kiến.

- Hiện tướng: Do vô minh nương năng kiến trước chẳng rõ tướng không, làm cho cảnh giới vọng hiện.

Hai loại này và nghiệp tướng đều ở địa vị A-lại-da, thuộc tâm bất tướng ứng.

- Trí tướng: Vì vô minh mê cảnh do tự tâm hiện ở trước, vọng khởi tướng nhiễm tịnh phân biệt.

- Tướng tục tướng: Do vô minh nên không rõ chỗ phân biệt trước là không, không thật có, lại khởi niệm tướng ứng chẳng dứt.

Hai loại này ở địa vị phân biệt sự thức phần tế thuộc tâm tướng ứng. Vô minh hòa hợp với tướng sinh ở trước, chuyển tịnh tâm kia, cho đến địa vị này hành tướng còn tế, pháp chấp trụ vững gọi là trụ tướng; tức hai phần sau trong ba tế, hai phần đầu trong sáu thô, cùng bốn phần sau trong năm ý và bốn loại giữa trong sáu nhiễm. Những thứ này đều đồng, đây là tướng trụ nhiếp.

Dị tướng có hai là:

1. Tướng Chấp thủ.
2. Tướng Kế danh tự.

Nghĩa là vô minh mê pháp nhiễm tịnh trái thuận ở trước, lại khởi tham sân... nhân ngã kiến mà chấp tướng đặt tên, chấp trước càng sâu. Đây là địa vị sự thức phần thô. Vô minh hòa hợp với tướng trụ chuyển tâm tịnh kia khiến đến địa vị này, hành tướng hơi thô, tán động thân miệng. Nay các nghiệp gọi là dị tướng, tức hai phần giữa trong Sáu thô, một phần đầu trong sáu nhiễm, và ý thức sau cùng trong năm ý. Những thứ này đều đồng, đây là dị tướng.

Tướng diệt có một: Là khởi nghiệp tướng. Nghĩa là vô minh này chẳng rõ hai nghiệp thiện ác, chắc chắn chiêu vùi hai quả báo khổ vui. Rộng đối các duyên, tạo ra các nghiệp, nương nghiệp chịu quả, diệt tâm dị ở trước khiến đoạ vào các đường. Do năng lực vô minh chuyển tịnh tâm kia đến mé sau này, hành tướng rất thô. Đến đây là trùm khắp cùng tận, nên gọi Diệt tướng, tức tướng thứ năm trong sáu thô.

Quả báo không thể dứt, cho nên không nói tướng thứ sáu. Thế nên ba cõi bốn tướng chỉ một tâm mộng, đều do năng lực căn bản vô minh. Nên kinh nói: “Sức vô minh trụ địa rất lớn, hay hưng khởi trùm khắp tất cả nẻo sinh tử”.

**Luận nói:** “Nên biết vô minh hay sinh ra tất cả pháp nhiễm”.

Lại có giải thích rằng:

Hỏi: Bốn tướng trong đây là đồng thời hay trước sau. Nếu đồng thời, tại sao luận trước nói khi giác bốn địa vị khác nhau. Nếu trước sau, vì sao bốn tướng cũng đồng thời có?

Đáp: Tông Tát-bà-đa nói: “Bốn tướng này đồng thời, bốn dụng có trước sau nên khi giác khác nhau. Thể đồng thời nên gọi là đồng thời có”. Tông Thành Thật nói: “Bốn tướng có trước sau. Là bản giác hướng về bốn tướng thì không có trước sau, nên nói đồng thời có”. Bí Mật giáo Đại thừa nói: “Khi giác bốn tướng trước sau cạn sâu, bốn tướng sở giác đều đồng thời có”.

Sinh có ba, Trụ có bốn, Dị có sáu, Diệt có bảy.

Tướng sinh có ba là:

Nghiệp tướng: Do vô minh bất giác niệm động, tuy có khởi diệt mà tướng, kiến, chưa phân. Như khi tướng sinh sắp đến vị lai chính là dụng của nó.

Chuyển tướng: Nướng động niệm chuyển thành năng kiến. Như khi tướng sinh sắp đến vị lai là chính là dụng của nó.

Hiện tướng: Nướng vào tướng năng kiến, cảnh giới đã hiện, như khi tướng sinh vị lai đến hiện tại chính là dụng của nó.

Vô minh tương ứng huân động với ba thứ này, tâm thể hòa hợp với tướng. Tâm theo động chuyển cho đến hiện tướng. Như tâm vị lai Tiểu thừa, tùy theo tướng sinh kia dẫn đến hiện tại. Đại thừa Như Lai tạng tâm theo sinh đến hiện tại, nghĩa cũng giống như thế.

Ba thứ này đều là địa vị A-lại-da có khác nhau. Đó gọi là ba thứ sinh tướng sâu xa.

Trụ có bốn là do vô minh hòa hợp với sinh, mê ngã, ngã sở do tâm sinh, nên sinh khởi ra bốn thứ trụ tướng là ngã si, ngã kiến, ngã ái, ngã mạn. Bốn thứ này nương sinh tướng khởi năng tướng, tâm niệm khiến đến nhân trụ vị mà trụ, nên gọi là Trụ tướng. Bốn thứ này ở trong thức thứ bảy.

Dị tướng có sáu là vô minh hòa hợp với tướng trụ kia; Ngã, ngã sở do bất giác mà chấp thành không. Do đây sinh khởi sáu thứ dị tướng là tham, sân, si, mạn, nghi kiến. Như Tân Luận nói: “Tự tánh Bồ-tát chỉ có sáu thứ”. Vô minh hòa hợp với sáu thứ này, năng tướng trụ tâm khiến đến địa vị dị, hướng bên ngoài phan duyên, nên gọi là Dị tướng. Sáu thứ này sinh khởi tại thức.

Diệt tướng có bảy là vô minh hòa hợp với dị tướng, bất giác ngoài trần tánh trái thuận lìa, do đây phát khởi bảy thứ tướng diệt là bảy chi nghiệp ác của thân, miệng. Bảy chi này diệt tâm dị, khiến vào đường

ác, nên gọi là Diệt tướng. Như diệt tướng của tông Tiểu thừa là diệt tâm hiện tại khiến vào quá khứ. Nghĩa diệt tướng của Đại thừa cũng giống như thế. Vì thế nên biết, bốn tướng sinh khởi, một tâm trôi lăn, tất cả đều do vô minh căn bản. Tuy từ nhỏ nhiệm đến lúc hiển rõ nói thứ lớp của bốn tướng mà thể chung rất ráo không trước sau. Nhưng, bốn tướng này do một niệm có thô tế, bao dung chỉ một tâm, nên nói đồng thời mà có đều không tự lập.

Chưa tột nguồn, tùy theo hạnh cạn sâu, giác có trước sau.

Đạt nguồn tâm, bốn tướng trong một niệm đồng thời biết. Như kinh nói: “Bồ-tát biết cuối mà không biết đầu. Chỉ Phật, Như Lai đầu cuối đều biết”. Đầu là tướng sinh cuối là tướng kia. Đã do năng lực vô minh sinh khởi các thứ mộng niệm làm động nguồn tâm, chuyển đến tướng diệt, mê mãi trong ba cõi, trôi lăn trong sáu đường.

Từ trên đến đây, bốn tướng đứng về nghĩa trôi lăn, tức bản giác theo nhiễm. Năm ý, ba tế, sáu thô... cũng thuộc nghĩa này.

## **2. Môn hoàn nguyên:**

Đứng về mặt giác mộng của bốn tướng, nghĩa tướng thì giác, ở đây trước chung sau riêng.

Chung nghĩa là bốn tướng trôi lăn, là năng lực nhân bản giác không thể nghì bàn huân khởi tâm chán và cầu, cũng nhân chân như lưu xuất nghe huân giáo pháp, huân vào bản giác. Do thể đồng nên dung thông. Kia có năng lực do tánh nghe huân càng hiểu thêm, tổn giảm vô minh, dần dần hướng về nguồn tâm. Ban đầu dứt tướng diệt, sau dứt tướng sinh, rõ ràng đại ngộ, giác liễu nguồn tâm vốn không hề động, khiến sự vắng lặng từ vô thủy bình đẳng bình đẳng, chẳng khác thì giác. Luận nói: “Thỉ giác tức đồng bản giác”. Như kinh Kim Quang Minh, phẩm Tam Thân nói: “Thí như có người ngủ mê trong mộng thấy nước sông lớn, thân kia bị trôi giạt, tay quơ chân đạp, băng ngang dòng mà được qua đến bờ bên kia, do thân tâm kia không biếng nhác, thức dậy rồi, không thấy có nước, bờ này khác bờ kia”. Chẳng cho rằng không có tâm. Tướng vọng sinh tử đã diệt rồi thì giác thanh tịnh, chẳng cho là không có giác.

Riêng, đây là trí thỉ giác, theo địa vị bốn thứ mà đặt tên:

Lý giác: Trí giác trong địa vị Thập tín diệt tướng mộng. Lúc chưa nhập Thập tín trở xuống, thì không biết hai nghiệp thiện ác chắc chắn chiêu cảm hai quả báo thiện ác. Nay nhập địa vị này mới biết rõ, nên gọi là Lý giác. Nhưng vẫn chưa biết tướng diệt là mộng, cũng chưa giác Bồ-tát, nên gọi là bất giác.

Tương tự giác: Nghĩa là Bồ-tát trong địa vị Tam hiền và người Nhị thừa, được nhập không quán. Bồ-tát diệt trừ tham sân, ái kiến... phân biệt trong ngoài chấp ngã, ngã sở. Như luận nói: “Xả tướng chấp trước phân biệt thô”. Giống như tướng trụ lúc ngủ trong mộng, chưa đến được địa vị chứng ngộ. Lại, người Nhị thừa chưa rõ pháp không nên nói là Tương tự giác.

Tùy phần giác: Nghĩa là từ Sơ địa đến Cửu địa, giác được mộng bốn thứ trụ tướng. Bồ-tát này tuy biết tất cả pháp chỉ là Thức, nên không khởi tâm phân biệt chấp thô bên ngoài, mà sau khi xuất quán đối với pháp tự tâm hiện, vẫn khởi pháp chấp phân biệt nhiễm tịnh. Nhưng trí vô phân biệt được giác trụ tướng, lại chiếu soi trụ tướng trọn không thật có. Nên nói giác trụ vô trụ lìa phân biệt thô niệm. Bốn trụ tướng này là Sơ địa, Thất, bát, Cửu địa mỗi địa lìa một tướng. Giống như sinh tướng trong lúc ngủ mộng, giác đạo chưa viên mãn, nên nói Tùy phần giác.

Cứu cánh giác: Là định Kim cang dụ, địa vị này có hai sát-na, nên Đối pháp luận rằng cứu cánh đạo, nghĩa là Kim cang dụ định. Ở đây có hai thứ, là thuộc về phương tiện đạo và vô gián đạo. Nay ở địa vị này động niệm đều dứt, chỉ còn nhất tâm, nên nói tâm không có tướng ban đầu. Nghiệp thức động niệm, trong niệm rất tế, gọi là niệm vi tế, tức sinh tướng. Chân tánh liền hiển bày, nên nói thấy tâm tánh. Ở các địa vị trước, giác chưa đến nguồn, vẫn là mộng sinh tướng, làm động tâm tịnh kia thành ra nghiệp thức... khởi diệt không dừng. Nay mộng sinh tướng dứt, gió vô minh dừng, sóng tánh biển êm, vắng lặng thường trụ, nên nói được thấy tâm tánh. Tâm tức thường trụ. Trước chưa đến nguồn tâm, mộng niệm chưa dứt, cầu diệt động này, vọng hưởng đến bờ bên kia. Nay mộng niệm đều dứt, giác liễu nguồn tâm vốn không trôi lãng, niệm tịnh từ vô thỉ, thường tự nhất tâm bình đẳng bình đẳng. Thỉ không khác bốn, nên nói Cứu cánh giác.

Nếu nói chung, như kinh Kim Quang Minh nói: “Nương các phục đạo, khởi sự tâm diệt. Nương pháp đoạn đạo, căn bản tâm diệt. Nương thắng bạt đạo, căn bản tâm tận”. Ở đây nói “Các phục đạo”, nghĩa là địa vị Hiền. “Khởi sự tâm diệt” tức trong luận này xả phân biệt thô, tức dị tướng diệt. “Pháp đoạn đạo”, là địa vị Pháp thân. “Nương căn bản tâm diệt”. Như trong luận này, xả niệm phân biệt thô, tức trụ tướng diệt. “Thắng bạt đạo” là định kim cang tâm. “Căn bản tâm tận”, trong luận này là lìa niệm sâu kín, tức sinh tướng dứt.

Hỏi: Bốn tướng đâu được đồng thời. Đã đồng thời thì đâu giác trước sau?

Đáp: Chỉ một tâm mộng mà bốn tướng trôi lăn, người trong mộng thì nói là có trước sau, mỗi người tùy theo sức trí mà phần giác cạn sâu. Nhưng bậc đại giác biết bốn tướng là mộng, chỉ một tâm tịnh, không có thể tánh trước sau, nên nói: Đồng thời không tự lập... Nên Nhiếp Luận nói: “Ở trong mộng thì nhiều năm, ngộ chỉ trong khoảnh khắc”. Nên tuy vô lượng mà nhiếp vào một sát na. Trong đây một sát na tức vô niệm. Cho nên, kinh Lăng-già nói: “Tất cả pháp chẳng sinh, ta nói là nghĩa sát-na. Vừa sinh thì có diệt, chẳng vì người ngu mà nói”. Giải thích rằng: Sát-na trôi lăn không có tự tánh. Vì không tự tánh nên tức là Vô sinh. Nếu có tự tánh thì chẳng trôi lăn, nên người chứng vô sinh mới thấy sát-na.

Từ trên đến đây đứng về môn trở về nguồn, mà nói nghĩa thỉ giác.

#### **4. NGHĨA BẢN GIÁC:**

Ở đây có hai thứ:

1. Bản giác theo nhiễm.
2. Bản giác tánh tịnh.

**1. Bản giác theo nhiễm.** Có hai:

Trí tướng tịnh, là tướng bản giác tùy nhiễm lại được tịnh.

Không thể nghĩ bàn nghiệp tướng, là tướng bản giác nghiệp dụng trở lại thanh tịnh.

Nếu Hai tướng này lìa duyên nhiễm, thì không được thành, nên nói theo nhiễm.

Trí tướng tịnh có nhân có quả, nhân là sức chân như huân bên trong để làm nhân bên trong, và chỗ chân như trôi lăn nghe huân giáo pháp để làm duyên bên ngoài. Ở đây ví như người trước Sơ địa, nương sức huân này tu hành gốc lành tư lương gia hạnh. Đã đăng Thập địa, hạnh chứng như lý, nên nói như thật tu hành. Thập địa hạnh mãn, nhân kim cang tốt cùng, nên nói đầy đủ phương tiện. Quả cũng có hai: Đoạn quả - Trí quả

Đoạn quả: Do phương tiện trước, hay phá tướng sinh diệt bên trong hòa hợp thức, hiển bày tánh bất sinh bất diệt kia.

Hòa hợp thức, Như Lai tạng bất sinh diệt hòa hợp với bảy chuyển thức sinh diệt, gọi là thức hòa hợp, tức thức A-lại-da, ở trong đó căn bản vô minh dứt, nên không có chỗ hợp, tức nói lên nghĩa bản giác Pháp thân, nên nói Đoạn quả.

Trí quả: Do Pháp thân này hiển bày, nên hay diệt tướng tướng tục

của nghiệp tướng... trong tâm nhiễm. Khi ấy tâm bản giác theo nhiễm liền trở về nguồn tâm thành nghĩa viên trí thuần tịnh, thành nghĩa thỉ giác ứng thân, nên nói Trí quả. Nhưng chẳng diệt tâm thể nối tiếp, chỉ diệt tâm tướng nối tiếp. Ý này làm rõ tướng phá hòa hợp thức trong vô minh, mà làm hiển bày lý bản giác. Diệt tướng tâm nối tiếp của nghiệp tướng... mà thành trí Thỉ giác.

Nghiệp tướng không thể nghì bàn:

Dụng của Báo thân và Hóa thân từ thể, tướng bản giác đã nói ở trên khởi ra. Vốn thường cùng chúng sinh tạo cảnh giới sáu căn, nên Luận Bảo Tánh nói: “Thân chư Phật Như Lai như hư không, chẳng có tướng, vì các người thắng trí mà tạo cảnh giới sáu căn, thị hiện sắc thân màu nhiệm, phát ra âm thanh hay do, khiến người giới hương của Phật cùng pháp vị giải thoát của Phật, liền giác xúc Tam-muội, khiến biết pháp mâu mâu, nên gọi là cảnh giới vi diệu. Người biết Như Lai chính là thắng trí, thành cảnh sáu trần”. Nói riêng là bốn câu:

Đứng về mặt thời gian nói lên nghiệp đức rộng nhiều vô lượng.

Đứng về mặt không gian nói lên nghiệp tướng sâu tận mé vị lai.

Nói lên nghiệp thắng, không có công dụng mà ứng hợp căn cơ.

Nói lên nghiệp thắng ích, lợi nhuận chẳng phải không.

Đây là Báo thân và Hóa thân, chân như dụng đại, vô thỉ vô chung, nói nhau chẳng dứt, cho nên kinh Kim Quang Minh nói: “Ứng thân từ vô thỉ sinh tử nối tiếp chẳng dứt. Tất cả chư Phật có pháp bất cộng năng nhiếp giữ, chúng sinh chẳng tận, dụng cũng chẳng tận, nên nói thường trụ”. Luận Bảo tánh nói: “Cái gì thành tựu lợi ích tự thân? Nghĩa là được giải thoát, xa lìa phiền não chướng, trí chướng, được thân thanh tịnh vô chướng ngại. Cái gì thành tựu lợi ích Hóa thân? Đã được thành tựu lợi ích tự thân mình, từ đời vô thỉ đến nay, tự hay nương hai thứ thân Phật kia, thị hiện hạnh đức tự tại ở thế gian”.

Hỏi: Đã được tự mình lợi ích, mới khởi nghiệp lợi tha, làm sao lợi tha lại nói là vô thỉ?

Đáp: Có hai cách giải thích:

Một niệm của Như Lai ứng khắp ba đời, sở ứng vô thỉ nên năng ứng tức vô thỉ. Giống như một niệm viên trí, đạt khắp cảnh ba đời vô biên. Cảnh vô biên nên trí cũng vô biên, tướng của trí vô biên hiện không có đầu cuối. Đây chẳng phải chỗ tâm thức lường được.

Vô minh tận nên thỉ giác đồng bản giác. Nhưng giác kia từ vô thỉ đến nay thường khởi nghiệp dụng lợi ích chúng sinh. Do tất cả Phật không khác nhau nên không có mới cũ, đều không khác với thỉ giác,

xưa nay bình đẳng không có đầu cuối, hay giáo hóa chúng sinh là dụng chân như. Nên nói không thể nghi bàn nghiệp. Dụng này và tâm chúng sinh xưa nay không hai, chỉ bất giác theo dòng, dụng liền chẳng hiện. Dụng vọng tâm chán cầu tức trong tâm theo căn cơ hiển hiện, mà chẳng tác ý ta sẽ hiện sai khác, nên nói là tự nhiên.

**2. Bản giác tánh tịnh:** Là giác thể tướng. Nay trong đó nói có chung có riêng.

Chung, giác tánh này chẳng giữ tự tánh, tuy theo các duyên thành nhiễm tịnh mà thường không mất tự tánh thanh tịnh. Do không mất tánh thanh tịnh nên theo duyên nhiễm tịnh. Thí như gương sáng hiện pháp nhiễm tịnh. Tuy hiện nhiễm tịnh mà thường không mất tánh sáng sạch của gương. Do không mất sáng của gương nên hay hiện tướng nhiễm tịnh. Do nhiễm tịnh biết được tánh tịnh của gương sáng. Do không mất gương sáng nên hiện tướng nhiễm tịnh. Do nhiễm tịnh biết được tánh tịnh của gương sáng. Do tướng gương sạch nên biết hiện nhiễm tịnh. Tuy hiện pháp tịnh mà chẳng thêm sáng của gương. Tuy hiện pháp nhiễm mà chẳng nhiễm ô sạch của gương. Chẳng phải ngay đó không như, cũng do đây lại bày tánh sáng sạch của gương. Nên biết bản giác cũng giống như thế, chẳng phải ngay đó tánh tịnh không động thành ra nhiễm tịnh. Cũng do thành nhiễm tịnh mới hiện tánh tịnh. Cho nên, bản giác theo nhiễm, bản giác tánh tịnh, thuộc về toàn thể tướng, một tánh không hai vậy.

Giải thích riêng: Dùng bốn thứ gương so sánh với bản giác là:

Gương không: là thể lia tất cả vật bên ngoài.

Gương chẳng không: Thể gương nguyên hiện bóng muôn tượng.

Gương tịnh: Lau chùi để lia nhớ.

Gương thọ dụng: Đặt ở đài cao, người cần thì thọ dụng.

Trong bốn thứ, hai thứ trước là tịnh tự tánh, hai thứ sau là tịnh lìa cấu. Hai thứ đầu là nói về mặt khi nhân ẩn, hai thứ sau là nói khi quả hiển. Lại, hai thứ trước đứng về mặt không bất không, hai thứ sau là thể dụng. Hai thứ đầu là thể, hai thứ sau là tướng. Nên nói giác thể tướng.

Vì tâm thể là giác, nên nói là bản giác. Vì tâm thể có dụng chiếu giác, nên gọi là bản giác.

Hỏi: Nếu không bất giác nên gọi là bản giác, cũng có thể không giác chiếu nên là bất giác. Nếu có giác chiếu gọi là bản giác, chẳng hay giác này hoặc chẳng? Nếu chẳng dứt hoặc thì không có dụng giác chiếu. Nếu dứt hoặc thì chẳng phải phạm phụ?

Đáp: Chẳng những không tối, cũng có chiếu sáng. Có chiếu sáng



nên lập có dứt hoặc. Nghĩa này thế nào? Nếu đứng về mặt trước mê sau giác gọi là giác, thì thỉ giác là có, bản giác là không. Nếu đứng về mặt xưa nay không mê gọi là giác thì Bản giác là giác, thỉ giác tức không. Nghĩa dứt cũng giống như thế, trước có sau không gọi là dứt, thì thỉ giác có dứt, bản giác không dứt. Xưa nay lìa hoặc gọi là dứt thì bản giác là dứt, thỉ giác chẳng dứt. Nếu nương nghĩa này xưa nay dứt nên xưa nay chẳng phải phạm. Nên luận nói: “Tất cả chúng sinh từ xưa đến nay nhập pháp niết bàn bồ đề”. Tuy xưa nay không phạm mà chưa phải Thỉ giác, nên xưa nay có phạm.

Hỏi: Bản giác này nếu chung cả nhiễm tịnh làm nhân, hay chỉ là pháp tịnh làm nhân. Nếu chỉ là pháp tịnh làm nhân, thì vì sao kinh nói Như Lai tạng là nhân thiện bất thiện? Nếu chung tạo tánh nhiễm tịnh. Vì sao chỉ nói có tánh đức, chẳng nói có họa của tánh nhiễm?

Đáp: Lý này tạo tánh chung cả nhiễm tịnh, chỉ nói có tánh đức. Nghĩa là lý lìa pháp tịnh, nên hay tùy duyên gây ra các pháp nhiễm. Lại lìa tánh nhiễm, nên hay tùy duyên làm được các pháp tịnh. Vì tạo nhiễm tịnh nên chung làm tánh nhiễm tịnh. Do lìa tánh nhiễm tịnh, chỉ nói có tánh công đức. Được lìa tánh nhiễm tịnh là thành các công đức. Lấy bỏ tánh nhiễm tịnh đều là vọng tướng.

Hỏi: Trong phần trước bản giác theo nhiễm, trí tịnh và pháp này xuất phát khác nhau thế nào? Lại không thể nghĩ bàn nghiệp ở trước khác nhau thế nào duyên huân này?

Đáp: Trước đứng về mặt tùy nhiễm trở lại tịnh nói là trí tức nói về trí dụng kia. Chỉ nói theo thỉ giác. Ở đây đứng về mặt tự tánh lìa chướng hiển bày pháp thể, tức nói về dụng của pháp này. Chỉ nói theo pháp thể, cho nên trước nói là trí, đây nói là pháp. Ở rước nói là Nghiệp, ở đây nói là Duyên.

**5. NGHĨA NHÂN DUYÊN:** Sinh diệt, cũng gọi là nghĩa năm ý. Lược có bốn môn:

1. Giải thích danh nghĩa
2. Nêu ra thể tướng
3. Nói rộng nói ý chỉ
4. Hỏi, đáp, giải thích nghi.

**1. Lược nói Giải thích danh nghĩa.**

Nhân duyên: Tâm thể A-lại-da chẳng giữ tự tánh là nhân sinh diệt, cảnh giới vọng động bên ngoài khởi sóng thức là duyên sinh diệt, lại tâm thể là Nhân. Trong hai nghĩa của A-lại-da, nghĩa bất giác là



duyên. Nương hai nghĩa này để hiển bày nhân duyên. Các thức sinh diệt tương tập mà sinh, nên gọi là chúng sinh mà không có tự thể riêng chỉ nương tâm thể. Nên luận nói: “Nương tâm ý, ý thức chuyển”. Đây là nói về tâm thể, là sở y; ý, ý thức tức là năng y. “Chuyển” là khởi. “Nương tâm” là tiêu biểu cho nhân.

Nương A-lại-da, đây là nói nương vô minh trong tâm đầy đủ nhân duyên. Trong năm thứ ý, ba thứ đầu là ở địa vị bốn thức, hai thứ sau là ở địa vị giới hạn sự thức. Trong thể bốn thức nếu nói kỹ thì có sáu thức:

Chân thức, cũng gọi là Tự tướng, cũng gọi Trí tướng.

Nghiệp thức, cũng gọi Nghiệp tướng, cũng là Nghiệp tướng thức.

Chuyển thức, cũng gọi Chuyển tướng, cũng gọi Chuyển tướng thức.

Hiện thức, cũng gọi là Hiện tướng, cũng gọi Hiện tướng thức.

Trí thức, cũng gọi Trí tướng.

Tương tục thức, cũng gọi Tương tục tướng.

Chân thức: Chẳng nhờ cái khác mà thành.

Nghiệp thức: Từ tịnh khởi động.

Chuyển thức: Từ bên trong mà hướng ra ngoài.

Hiện thức: Theo chuyển hiện cảnh.

Trí thức: Nương cảnh giới vọng phân biệt nhiệm tịnh. Trí tướng: Có tánh giác chiếu.

Tương tục thức: Nương các nghiệp nhân, quả khổ chẳng

Sáu phẩm này tiêu biểu cho thể, nên gọi chung là Tướng, đều có thần giải, chẳng đồng hư không nên gọi chung là Thức. Trong sáu nghĩa này, một thứ đầu là Sở y, năm thứ sau là Năng y. Lại thứ lớp làm năng sở y, một thứ đầu là nghĩa bất biến, năm thứ sau là nghĩa tùy duyên. Lại hai thứ đầu là tự thể A-lại-da, hai phần kế là kiến phần và tướng phần của A-lại-da, hai phần sau là giới hạn của sự thức.

Kiến phần, Tướng phần và Sự thức có hai thuyết:

Sự thức là sáu thức: Sở dĩ biết là trong Lăng-già nói cảnh bên ngoài.

Bảy thức chuyển: Thức thứ bảy cũng tương ứng với tuệ số duyên cảnh bên ngoài. Sở dĩ biết là kinh Thấn-man Phu Nhân nói: “Đối với sáu thức và tâm pháp trí, bảy pháp này sát-na không trụ”. Ở đây nói Tâm pháp trí tức tuệ số. Lại trong Kim Cổ Duyên, nói ý căn phân biệt tất cả các pháp. Tâm thể như thế” là năm dụng này đối với các cảnh giới cơ công năng sinh ra ý thức. Trong đây ý thức là thức thứ sáu, chỉ đứng về mặt sau khi sinh, nghĩa đều xếp vào ý thức.

## 2. Phần nêu ra thể tướng:

Cùng lấy nhất tâm làm thể, nếu nói riêng là thể tự tướng, tức là bản giác chẳng phải tướng chuyển động, là tánh giác chiếu. Nên luận nói: “Nghĩa giác là tâm thể lìa niệm. Tướng lìa niệm là cảnh giới hư không, không chỗ nào chẳng trùm khắp. Nhất tướng pháp giới tức là Pháp thân bình đẳng của Như Lai. Nương Pháp thân này gọi là bản giác.

## 6. NGHĨA VÔ MINH:

Thể nghiệp thức là tâm thể bản giác, do gió vô minh mà toàn thể bất động. Tướng bất động chưa duyên theo bên ngoài, như sóng nhỏ ở biển, từ tính không động mà không từ đây chuyển dời đến chỗ kia.

Thể chuyển thức là nương vô minh và nghiệp thức có dụng năng biến, hướng ra bên ngoài mà khởi, chưa thể hiện tướng sở duyên. Như sóng lớn ở biển nương sức gió và động nhẹ, từ đây chuyển động đến kia, chuyển dời mà khởi, ở đây có hai nghĩa: Nếu đứng về mặt vô minh thì chỗ chuyển động thành năng kiến, ở trong bốn thức. Nếu đứng về mặt cảnh giới thì chỗ chuyển động thành năng kiến, ở trong sự thức. Ở đây là nghĩa đầu.

Thể hiện thức do vô minh và chuyển thức năng kiến cảnh giới đã hiện, thế là năng kiến sở kiến đầy đủ. Như sóng lớn ở biển do sức gió, tướng muôn tượng chẳng phải một mà rất nhiều. Nếu nói về tướng chung thì trong chuyển có nghiệp. Vì tướng chuyển này cũng chẳng phải vắng lặng chuyển, nên trong nghiệp có trí. Vì tâm bản giác toàn thể động thì trí cũng chung chuyển thức. Do trong động chuyển tánh giải thường hoại, tức trí thức cũng gọi tự tướng. Vì tướng nghiệp... chẳng phải bốn tướng của tâm, nhân vô minh khởi, được gọi là tha tướng, chẳng phải tự tánh động mà động theo cái khác, trong đó tánh giải là bốn tánh của tâm, chẳng nhờ thứ khác mà thành, nên gọi tự tướng. Như thế tự tướng cũng chung cho, bả thức. Vì tâm chuyển tạo, nên bả thức này tức là bốn thức, vì không mất thân giải. Lại, chuyển thức, hiện thức cũng là nghiệp thức. Nghiệp thức này chỉ là trí tướng thức, do lìa bản giác nên không có tự thể riêng.

Trí thể thức là phần sâu kín trong sự thức, là chẳng rõ cảnh vọng trong hiện thức trước hiện ra, hay khởi phân biệt nhỏ nhiệm nhiệm tịnh.

Tương tục thể thức cũng là pháp chấp nhỏ nhiệm tương ứng trong sự thức, tương tục lâu dài. Ở đây đứng về mặt tự thể chẳng dứt để thích

nghĩa nổi tiếp. Thức này hay khởi phiền não phát nghiệp nhuận sinh, có công năng dẫn khởi các hạnh nghiệp thiện ác do vô minh từ quá khứ phát ra, khiến thành tựu kham nhận, thành tựu quả. Nếu không có nghiệp hoặc nhuận, thì hạt giống tiêu mất. Đây là dẫn từ sống đến chín. Lại có công năng khởi nhuận sinh Bồ-tát, khiến thành thực nghiệp hoặc báo. Ba đời Như thế do trôi lăn nên liên tục không dứt, công do ý thức.

### **3. Phần nói rộng về ý chỉ kia:**

Ban đầu là nghiệp thức, tức một phần đầu trong ba tế, phần thứ nhất trong bốn tướng, phần thứ sáu trong sáu nhiễm. Nghĩa là căn bản vô minh là vô tập, nghiệp thức là vô khổ. Vô khổ, vô tập càng lúc không lia nhau. Nhưng nghiệp này tuy có sinh diệt rất nhỏ nhiệm, năng sở chưa phân, vô minh cũng như thế.

Nên Luận Vô Tướng nói:

Hỏi: Thức này tướng thế nào, cảnh thế nào?

Đáp: Tướng và cảnh không thể phân biệt, một thể chẳng khác.

Hỏi: Nếu như vậy làm sao biết có?

Đáp: Do sự biết nên có thức này. Thức năng sinh tất cả nghiệp phiền não quả báo, như vô minh thường khởi. Vô minh này có thể phân biệt hay chẳng? Nếu có thể phân biệt, thì chẳng cho là vô minh. Nếu không phân biệt thì có thể chẳng có mà là có chẳng phải không. Cũng do việc muốn sân... biết có vô minh. Bốn thức cũng giống như thế”. Trong kinh A-tỳ-đạt-ma tạng đồng thuyết này. Các văn ấy nói theo nghiệp thức. Các thức kia nghĩa rất phức tạp, nên không đề cập tới, suy tìm rất dễ biết.

### **4. Hỏi, đáp, giải thích nghi ngờ:**

Hỏi: Vì sao không nói năm thức?

Đáp: Luận này nói theo nghĩa một ý. Chỉ ý thức chia riêng sáu trần, nên luận nói: “Các thứ vọng chấp theo việc phan duyên, phân biệt sáu trần, gọi là ý thức, cũng gọi là phân li thức, là nương sáu căn chấp riêng sáu trần. Lại sự thức là hay phân biệt các việc trong ngoài, đến đi.

Hỏi: Năm ý như thế, do đâu mà khởi?

Đáp: Chân vọng hòa hợp, mới khởi hai nhân. Nên kinh Lăng-già nói: “Này Đại tuệ không thể nghĩ bàn huân và bất tư nghì biến là nhân của hiện thức. Chấp các thứ trần và tâm vọng tưởng từ vô thỉ huân là nhân của thức phân biệt sự”.

Giải thích:

Do bốn mặt là hai nhân.

Không thể nghĩ bàn huân là vô minh năng huân, chân như không thể huân. Thọ mà năng huân nên có huân chẳng tận. Huân chẳng tận gọi là không thể nghĩ bàn huân.

Không thể nghĩ bàn biến, tâm chân như thọ vô minh huân, chẳng thể đối khác mà biến khác. Lại biến tức bất biến, bất biến gọi là không thể nghĩ bàn. Song huân biến này sâu xa mà lại ẩn, nên chỗ khởi hiện thức hành tướng nhỏ nhiệm, trong đó cũng có chuyển thức, nghiệp thức, nêu thô gom tế nên chỉ nói hiện thức, chấp các thứ trần, tức các thứ cảnh giới do hiện thức này hiện, trở lại động biến tâm khởi sóng tự thức.

Vô tử vọng tưởng huân tức tập khí vọng niệm trong biến tâm hòa hợp kia từ vô tử đến nay huân tập không dứt, chưa lìa niệm. Cái thô này và niệm huân động biến tâm, các thứ thức sinh. Do vọng niệm và thô trần hiển hiện, sự thức kia sở khởi, hành tướng thô hiển hiện thành tướng tâm tương ưng muốn rõ hiện thức, nương không thể nghĩ bàn huân được sinh, nương không thể nghĩ bàn biến được trụ. Sự thức nương cảnh giới được sinh, nương biến tâm được trụ. Nay trong luận này chỉ nói sinh duyên, chẳng nói nương trụ. Nên trong tế chỉ nói vô minh huân, trong thô nêu cảnh giới duyên. Lại sinh được trụ địa, vô minh làm nhân cho bốn thức khởi. Do tạo được trụ địa, vô minh làm nhân sự thức khởi. Kinh Lăng-già mười quyển nói: “Có bốn thức nhân mắt... được sinh...”

Hỏi: Luận Du-già... nói A-lại-da là thức dị thực, hoàn toàn sinh diệt, vì sao luận này nói ở đây gồm hai nghĩa?

Đáp: Mỗi thức đều có chỗ nói, chẳng trái nhau. Nghĩa là tâm sâu kín này, lược có hai nghĩa. Nếu kia là nghĩa bị vô minh làm động, huân tĩnh khiến động, động tĩnh một thể. Nay luận này nương theo kinh Lăng-già, vì trí chấp chân tục có tự thể riêng, nói bất sinh diệt hòa hợp với sinh diệt, chẳng phải một chẳng phải khác. Lại chẳng phân ra tâm vương, tâm sở khác nhau và nghĩa cảnh ngoài tương ưng, đều có giác bất giác... Nếu nói theo nghĩa nghiệp phiền não cảm đều không, khiến có hoàn toàn sinh diệt. Luận Tập Tâm... nương kinh Thâm Mật vì trừ một kiến chấp là thường, là một, nói thức này hoàn toàn sinh diệt, nên pháp tâm sở khác nhau mà chuyển thể. Nhưng nghiệp phiền não sở cảm này là chỗ động của vô minh kia. Hai ý tuy khác mà thức thể chẳng hai.

Hỏi: Tâm thể thường trụ lại sinh diệt hay tâm tướng sinh diệt, thể tướng hợp thành một thức là tâm thể thường trụ ư?

Đáp: Nếu người được ý, hai nghĩa đều chấp nhận, nếu nói thường trụ chẳng theo cái khác mà thành, nên nói là thể. Nếu nói vô thường thì sinh diệt theo cái khác, nên nói là tướng.

Nói sinh diệt, sinh mà chẳng sinh, diệt mà chẳng diệt, chỉ có tâm sinh, chỉ có tâm diệt nên gọi là sinh diệt. Cho nên nói tâm thể sinh diệt, như nước động gọi là Sóng. Không thể nói là động của động, chẳng phải động của nước. Lý trong đây cũng giống như thế. Nếu tâm thể không động, chỉ có tướng vô minh động, thì không có lý chuyển phàm thành thánh. Do tướng vô minh một bề diệt. Tâm thể xưa nay không tạo ra phàm.

Hỏi: Tâm thể sinh diệt, tức chân tâm có cùng tận vì lúc sinh diệt thì không thường trụ phải chăng?

Đáp: Tuy tâm thể sinh diệt mà hằng, tâm thể thường trụ vì chẳng phải một chẳng phải khác, không hai mà không một tánh. Động tĩnh chẳng phải một mà không có khác tánh, nên như nước nươg môn nối tiếp tức có lưu động, nươg môn sinh diệt thường bất động. Do đó chẳng phải thường chẳng phải đoạn.

Hỏi: Cảnh giới thức này rộng hẹp thế nào? Như trong luận này chỉ nói năm trần. Kinh Lăng-già nói: “Thức A-lại-da phân biệt hiện cảnh, tự thân nươg sinh khí thế gian... có cùng một lúc chẳng phải trước sau”. Du-già nói: “Thức này do rõ biệt hai thứ cảnh nên chuyển. Một là do rõ biệt chấp thọ bên trong, nghĩa là rõ biệt biến kế sở chấp, tự tánh vọng chấp tập khí và các sắc căn, căn sở y, nghĩa là cõi Sắc hoặc Vô Sắc, chỉ có vọng chấp tập khí liễu biệt. Hai là liễu biệt bên ngoài, vô phân biệt tướng khí, nghĩa là liễu biệt y chỉ duyên bên trong chấp thọ thức A-lại-da, nên bất cứ lúc nào cũng không có xen hở tướng khí thế gian. Như ngọn đèn cháy, lúc phát sinh bên trong chấp thọ chức vụ, bên ngoài phát ánh sáng. Như thế thức A-lại-da bên trong duyên chấp thọ, thọ cảnh, ngoài duyên cảnh khí thế giới mà sinh khởi đạo lý, nên biết cũng giống như thế”.

Luận Trung Biên nói: “Thức này có bốn thứ cảnh giới là trần, căn, thức và chỗ nhiếp thủ của thức, nhiếp thủ của thức đã không có năng duyên thì bốn thức cũng không sinh được”. Nếu nươg Trung Biên và Lăng-già tức tập khí... chẳng phải cảnh thức này. Nếu nươg Du-già thì tinh, trần và bảy thức... chẳng phải chỗ duyên cùng kia. Nếu nươg theo luận này căn và thức... cũng chẳng phải cảnh giới thức này hiện, như thế trái nhau làm sao hòa hợp?

Đáp: Đây chẳng phải trái nhau chỉ nói duyên theo pháp này, chẳng nói các pháp khác, chẳng phải cảnh giới.

Hỏi: Tuy không trái nhau, nhưng có chỗ chẳng đồng ý sao?

Đáp: Ý chẳng đồng mỗi thứ đều có đạo lý. Như luận Trung Biên

muốn nói các pháp hiện khởi đều là chỗ hiện của bốn thức, là thức không còn có pháp nào khác nên chỉ nói hiện hạnh.

Hạt giống không hiển bày là không khác với thức, như Du-già... là nói lên các pháp không có lia kiến, vì tự nối nhau, vì trừ tâm tâm pháp. Bên ngoài các pháp nối tiếp đều là chỗ rõ biệt của thức này, các tâm tâm pháp là trần không lập, nghĩa kia tự hiển bày nên chẳng nói riêng, các cái khác hiển ý chìm, theo đây sẽ hiểu, chẳng thể ngụ chấp một thứ mà phủ báng chung.

Hỏi: Tự tướng bốn thức là hoàn toàn khởi, do duyên nhiễm khởi phải không? Nếu là duyên nhiễm khởi, thì pháp nhiễm lúc dứt tự tướng phải diệt. Nếu không theo nhiễm diệt thì tự nhiên có. Lại, nếu tự tướng diệt luận đồng đoạn kiến, nếu chẳng diệt là đồng với thường kiến?

Đáp: A-lại-da tâm thể là pháp dị thực, chỉ là nói nghiệp hoặc sinh, cho nên khi nghiệp hoặc hết thì bốn thức chóng hết. Nhưng địa vị quả Phật cũng có hai hạnh phước tuệ, chỗ cảm ứng trí Đại viên cảnh tương ưng với tịnh thức, mà đối với hai chỗ tâm nghĩa là đồng, vì là nghĩa nên nói tâm đến quả Phật.

Tâm thể toàn thể vô minh khởi là động tĩnh hợp khởi, chẳng phải nói là không, khiến có tâm này do vô minh khởi làm nghiệp. Tâm động này vốn tự làm tâm, gọi là tự tướng nghĩa môn, chẳng do vô minh mà tâm động này cũng có tự loại tướng sinh diệt, không tự nhiên thông mà có nghĩa bất diệt, khi vô minh hết, tướng động diệt theo, tâm theo thì giác trở về bốn nguyên.

Có người bình luận rằng: “Lời hai vị Luận sư nói đều có lý, đều nương thánh giáo. Vị Luận sư đầu được ý Du-già, vị Luận sư sau được ý Khởi Tín, không thể theo lời nói mà chấp nghĩa. Nếu như thuyết đầu mà chấp nghĩa là pháp ngã chấp, tức rơi vào chấp đoạn. Nếu thuyết của vị Luận sư sau chấp nghĩa là nhân ngã chấp, thì rơi vào chấp thường. Nên biết hai nghĩa đều không thể nói được, tuy không thể nói được mà cũng có thể nói được, vì tuy chẳng đúng mà chẳng phải chẳng đúng”. Ngoài ra hỏi đáp... và phần thứ bảy nghĩa duyên cảnh bên ngoài... như số và Biệt Ký và chương Nhị Chương.. nói.

### **7. NGHĨA SÁU NHIỄM:**

Lược có ba môn:

1. Nêu tên.
2. Nói về thứ lớp trị đoạn .
3. Hỏi, đáp để dứt nghi.

**1. Nêu tên:**

- 1) Chấp tương ứng nhiệm.
- 2) Bất đoạn tương ứng nhiệm.
- 3) Phân biệt trí tương ứng nhiệm.
- 4) Hiện sắc bất tương ứng nhiệm.
- 5) Tâm năng kiến bất tương ứng nhiệm.
- 6) Nghiệp căn bản bất tương ứng nhiệm.

**2. Trị đoạn:** Nay sáu nhiệm này, tướng là ý thức và năm thứ ý, nhưng năm ý trước nương nghĩa thứ lớp nhân duyên sinh khởi, từ tế đến thô mà nói, nay muốn nói thứ lớp đối trị từ thô đến tế.

Chấp tương ứng nhiệm là trong sáu thô chấp thủ và kế danh tự tướng và phiền não kiến tư do ý thức khởi, tức Tứ trụ địa vô minh. Các thứ vọng chấp ngã, ngã sở kia, cho đến thức này nương ái kiến phiền não mà thêm lớn. Lại trong bốn tướng là tướng thô phân biệt chấp trước, chỉ có tâm thô chấp bên ngoài tương ứng với cảnh, nhiệm ô tịnh hạnh kia nên gọi là Nhiệm. Nếu người Nhị thừa đến địa vị Vô học, phiền não lìa kiến tư. Nếu Bồ-tát ở địa vị Tam hiền rốt ráo lìa được thì là địa vị Bồ-tát được nhập không, thô hoặc kiến tư chẳng bao giờ hiện hành. Nhưng chỗ lưu hoặc cũ vẫn có, nên Nhiếp Luận nói: “Nếu không dứt tâm trên thì chẳng khác phàm phu, nếu không lưu hạt giống thì chẳng khác Nhị thừa”. Hai ý lưu hoặc nghĩa là tự lợi và lợi tha. Đây là nói theo Chung giáo. Nếu nói theo Thỉ giáo, thì Sơ địa trở lên mới nói lưu hoặc. Nay phiền não này chẳng những dứt ngay Tứ trụ nhân chấp, mà cũng dứt từng phần vô minh, nên luận nói: “Chẳng rõ nghĩa nhất pháp giới, từ địa vị Tín tương ứng giác quán sát mà dứt”. Nay chỉ là hiển bày chấp thô nhân ngã nên chẳng nói kia. Lại có nghĩa là, luận này đứng về mặt hiện hành mà nói đối trị đoạn, chẳng nói hạt giống. Địa vị tín tương ứng là từ Thập giải trở lên tín thành tựu không lui sụt, như kinh Nhân Vương nói: “Phục nhĩn thánh thai có ba mươi tám, Thập tín, Thập chỉ, Thập kiên, luận Tâm địa và luận Vô trước; gọi chung là địa vị tín hạnh. Luận nói: “Tín phát tâm thành tựu là rốt ráo không lui sụt”.

Bất đoạn tương ứng nhiệm là thức tương tục trong năm ý, tướng nối tiếp trong sáu thô, chỉ là pháp chấp nối tiếp sinh chẳng dứt, tức gọi nối tiếp. Người Thập giải trở lên tu Duy Thức quán phương tiện tầm tư, cho đến Sơ địa chứng ba vô tánh, trùm khắp chân như, pháp chấp phân biệt không hiện hành được, được pháp không, nên luận nói: “Phương tiện tu giác dần dần sẽ xả bỏ được tịnh tâm địa rốt ráo, lìa”.

Phân biệt trí tương ứng nhiệm là trí thức trong năm ý, trí tướng



trong sáu thô. Vì thù thắng có công năng phân biệt các pháp nhiệm tịnh thế gian và xuất thế gian nên gọi là Trí, tức là pháp chấp tu hoặc. Từ Thất địa trở xuống, khi hai trí khởi thì không hiện hành. Xuất quán duyên theo tục, khi tâm hồn nhiên cũng được hiện hành. Nhưng, bờ mé từng địa nên nói là Tiệm. Từ Bát địa trở lên không xuất quán, duyên cảnh bên ngoài, Thất địa diệt hẳn. Luận nói: “Nương cụ giới địa dần dần lìa, cho đến địa vô tướng phướng tiện rốt ráo lìa”. Nhị địa ba nhóm giới đầy đủ nên nói cụ giới. Lục địa hữu tướng quán nhiều, vô tướng quán ít. Hàng Thất địa hữu tướng quán ít, vô tướng quán nhiều. Bát địa trở lên một bề không có tướng vô công dụng. Ba thứ này hành tướng nhiệm vẫn thô nên nói tương ứng.

Hiện sắc bất tương ứng nhiệm là hiện thức trong năm ý, tướng cảnh giới trong ba tế, như gương sáng hiện sắc tượng, căn bản vô minh này động khiến hiện cảnh. Luận nói: “Nương tâm tự tại địa có thể lìa”, nghĩa là Bát địa ở trong ba thế gian được tự tại, sắc tánh theo tâm sinh có chương ngại. Vì sắc không ở địa vị tự tại hiện sắc không mất, nên trong địa vị này dẹp tướng kia.

Tâm năng kiến bất tương ứng nhiệm là chuyển thức trong năm ý, tướng năng kiến trong tam tế. Ở trên nói: “Nương tâm động thành tướng năng kiến, nghĩa là căn bản vô minh động khiến cho thấy được”.

**Luận nói:** “Nương tâm tự tại địa có thể lìa”. Trong Cửu địa khéo biết mười thứ tâm hành phức tạp của chúng sinh. Đây là đối với không sinh được tự tại. Lại tự được bốn trí vô ngại hay duyên có ngại, không bao giờ khởi được, nên nói tâm tự tại, đầy đủ như kinh Hoa Nghiêm nói.

Nghiệp căn bản bất tương ứng nhiệm là nghiệp thức trong năm ý, nghiệp tướng trong ba tế. Vì năng lực vô minh bất giác tâm động, nên luận nói: “Nương phiền não hết được nhập địa vị Như Lai có thể lìa”, nghĩa là Thập địa chung tâm, định kim cang dụ trong Vô Cấu địa, tập khí sâu kín tâm niệm đều dứt. Trên nói: “Được thấy tâm tánh, tâm là thường trụ”.

Nói theo thật thì ở Bát địa có hiện thức vi tế hiện khởi lên, nhưng ở địa này đã được tịnh độ, sắc thô chẳng hiện. Lại trong Cửu địa cũng có năng kiến vi tế, nhưng đối với tự và tha được tự tại, kiến tướng càng nhỏ nhiệm nên nói lìa. Vì sao? Vì ở sau nói: “Nương vào nghiệp thức, cho đến chỗ thấy của Bồ-tát rốt ráo địa gọi là Báo thân”. Nếu lìa nghiệp thức thì không có kiến tướng, nên biết nghiệp thức khi chưa hết thì tướng năng kiến cũng không lìa nhau. Ba thứ nhiệm này và vô minh là nghĩa



bất tương ứng.

### 3. Hỏi, đáp, dứt nghi:

Hỏi: Sáu thứ nhiễm này lấy gì làm nhân mới khởi?

Đáp: Ba thứ nhiễm đều do vô minh làm nhân, cảnh giới làm duyên mới khởi. Ba thứ tùy nhiễm sau bản giác làm nhân, vô minh căn bản làm duyên mới khởi. Nghĩa là vô minh trụ địa làm nhiễm chân như thành tâm nhiễm, tức ở trên nói: “Phá hòa hợp thức là diệt vô minh, diệt nối tiếp nên dứt tâm nhiễm”. Nay vô minh và tâm nhiễm khởi tuy có trước sau mà đoạn diệt đều đồng thời.

Hỏi: Trong sáu nhiễm này có bao nhiêu tương ứng, bao nhiêu bất tương ứng?

Đáp: Ba thứ đầu là tương ứng, ba thứ sau và vô minh là bất tương ứng. Vì sao? Vì ba thứ đầu là nương cảnh khởi, vả lại hiển bày thô nên tâm vương tâm sở đều tương ứng, tức phần sau nói: “Cảnh giới diệt tâm tương ứng diệt” là nghĩa này ở ba phần sau và vô minh nương tâm thể khởi, rất sâu kín, nên không có vương sở khác nhau, nên nói bất tương ứng. Tức phần sau nói: “Vô minh diệt nên bất tương ứng diệt” chính là ý này.

Lại nương ba nghĩa được gọi là tương ứng:

- Nghĩa thể... là các tâm sở phiền não đều có một thể không hai.
- Nghĩa năng tri...
- Nghĩa sở tri...

Đủ ba nghĩa này nên nói tương ứng. Luận nói: “Nghĩa tương ứng là tâm niệm pháp khác nhau, nương nhiễm tịnh khác nhau mà biết tương duyên tương đồng”.

Hỏi: Luận Du-già nói: “Các tâm tâm pháp đồng một sở duyên, chẳng đồng một hành tướng, đồng thời đều có mỗi một thứ mà chuyển”. Tại sao trong đây nói biết đồng nhau?

Đáp: Hai nghĩa đều có chẳng trái nhau. Vì sao? Vì như ngã kiến là kiến tánh hành, ngã ái là ái tánh hành, khác nhau như thế gọi là chẳng đồng hành, mà kiến ái... đều tạo ngã giải. Theo nghĩa này gọi là biết đồng. Lại lìa tâm chẳng có phiền não khác, cũng không có năng tri sở tri nên nói tương ứng. Luận nói: “Nghĩa bất tương ứng là tức tâm bất giác thường không khác, nhau chẳng đồng tri tướng duyên tướng”. Văn này ý nói ba thứ nhiễm này nương vô minh mà khởi chẳng khác vô minh. Đây là đối với tâm bất giác nên chân vọng chẳng tương ứng, rất sâu kín nên nói bất tương ứng. Ở trong đó chẳng phân ra vương sở và không tương ứng với nghĩa ngoại cảnh, mà có nghĩa giác bất giác...

Hỏi: Nếu như vậy ở sao Du-già nói thức A-lại-da năm số tương ứng?

Đáp: Nay luận này theo phiền não gọi riêng là tương ứng, tâm nhiễm năng kiến không có tâm phiền não sở gọi là bất tương ứng. Tuy vi tế biến hành năm số tâm và pháp thông đạt, không có tương mà chấp tương là thông pháp chấp mà không thấy kế tuệ số, cho nên chẳng khác pháp chấp.

Hỏi: Do đâu được biết thức A-lại-da là pháp chấp?

Đáp: Kinh Thâm Mật nói: “Từ Bát địa trở lên tất cả phiền não đều không hiện hành, chỉ có chướng sở tri làm y chỉ mà trong địa vị này, bảy thức hoặc kia đều không hiện hành, chỉ có thức A-lại-da hiện hành, nên biết thức này là chướng sở tri. Nếu nói về hạt giống thì phiền não chướng cũng vẫn chưa dứt. Nên biết thuyết kia là theo hiện hành sở tri chướng.

Hỏi: Đây là tâm nhiễm năng y, kia là vô minh sở y, hai pháp này có phối hợp với hai chướng không?

Đáp: Sáu thứ tâm nhiễm là chướng phiền não, căn bản vô minh là chướng sở tri.

Hỏi: Ý này chưa rõ ràng, xin nói rõ lại ý chỉ kia?

Đáp: Có hai nghĩa:

- Hàng Nhị thừa thông chướng mười sử phiền não, khiến cho tôi lần làm chướng quả Niết-bàn, gọi là chướng phiền não. Phiền não riêng chướng các hoặc thuộc pháp chấp... mê cảnh sở tri, chướng quả Bồ-đề, gọi là chướng sở tri.

- Tất cả tâm động niệm chấp tướng... trái với tánh như lý biết vắng lặng, gọi là phiền não ngại. Căn bản vô minh hôn mê bất giác, trái với dụng như lượng trí giác sát, gọi là trí ngại. Nay trong luận này là ở nghĩa sau. Nói sáu thứ tâm nhiễm gọi là phiền não ngại, vô minh trụ địa gọi là trí ngại.

Lại dùng tương phối hợp vô minh chướng lý trí, tâm nhiễm chướng lượng trí. Luận nói: “Nghĩa tâm nhiễm là phiền não ngại, làm chướng căn bản trí chân như, nghĩa vô minh là trí ngại, hay chướng nghiệp trí tự nhiên của thế gian”. Trong đây trí căn bản chân như chiếu tuệ tịch diệu trí như lý. Tức ở trên nói tương trí tịnh. Tâm nhiễm xao động trái với sự vắng lặng này, nên nói tâm nhiễm là phiền não ngại, phiền động não động. Nay đây nương tương bốn mặt y theo nghĩa tâm nhiễm sở khởi là phiền não ngại, tâm nhiễm vô minh năng khởi là trí ngại, chẳng đứng về mặt chấp nhân, chấp pháp để nói hai ngại.

Nghiệp trí tự nhiên thế gian là hậu đắc như lượng trí, tức là không thể nghĩ bàn nghiệp dụng ở trên. Vô minh hôn mê, vô minh phân biệt trái với trí dụng này gọi là trí ngại, từ chỗ chướng mà đặt tên.

Hỏi: Cho vô minh này động nơi tâm thể thành tâm nhiễm, tức vô minh là tế, làm chướng lý trí, tâm nhiễm là thô có thể chướng lý trí hay sao?

Đáp: Vì tâm nhiễm này năng sở khác nhau mà đến trí căn bản thì năng sở bình đẳng, cho nên làm chướng lý trí. Vô minh bên trong mê chân lý, thức bên ngoài thấy trần, nên đối với cảnh như lượng, không thể thuận theo các thứ trí, cho nên làm chướng lượng trí, rộng như chướng Nhị Chướng nói.

### **8. NGHĨA PHẬT THÂN:**

Lược có tám môn:

1. Xác định về thường, vô thường.
2. Nói về lượng của thân.
3. Chỗ giáo hóa cộng, bất cộng.
4. Xác định về quyền thật.
5. Tướng tốt nhiều ít.
6. Chỗ thấy khác nhau.
7. Thân Phật khai hợp.
8. Phạm vi giáo hóa.

#### **1. Xác định thường vô thường:**

Nếu theo Tiểu thừa thì hai thứ thân Phật đều là vô thường, nếu theo Thỉ giáo hai nghĩa đều có. Như kinh Kim Quang Minh nói: “Như thế, ba thân có nghĩa là thường, có nghĩa vô thường. Nghĩa là hóa thân thường xoay bánh xe pháp, phương tiện chẳng dứt cho nên thường”. Kinh Niết-bàn nói: “Nếu nói thân Như Lai là vô thường thì căn người này vì sao không rụng đi”. Chẳng phải là căn bản nên có đủ đại dụng, chẳng hiển hiện nên nói là vô thường. Ứng thân từ vô thỉ đến nay nối nhau chẳng dứt, tất cả pháp bất cộng của chư Phật có công năng giữ gìn, chúng sinh vô tận dụng cũng vô tận, cho nên nói thường, chẳng phải căn bản nên nói vô thường. Pháp thân chẳng phải là pháp được, không có tướng khác, là căn bản nên giống như hư không nên nói là Thường. Nếu theo Chung giáo, tu sinh công đức là vô thường, lại là thường vì đồng với chân như trở về bản thể. Pháp thân là thường vì bất biến, vô thường vì tùy duyên. Thường và vô thường cả hai đều dung thông vô ngại tức là thân Phật. Nếu theo Đốn giáo là tướng dứt, chẳng nói nghĩa công đức

khác nhau về thường vô thường, chỉ một thân thật tánh. Nếu theo Viên giáo thì lược có ba thuyết:

1. Về mặt dụng, Phật quả chung cho tất cả pháp ở ba thế gian.
2. Về mặt đức thì có bốn nghĩa:
  1. Tu mà sinh.
  2. Sẵn có.
  3. Sẵn có do tu mà sinh.
  4. Tu mà sinh sẵn có.
3. Đứng về mặt thể.

Ba môn này đều chung cho bốn câu vô thường...

### **2. *Hiện bày thân hình lượng:***

Nếu y theo Tiểu thừa là thân La-hán và thân Phật tướng sáu. Nếu theo Thủ giáo, Luận Phật Địa nói: “Pháp thân vô biên giống như hư không, thân tự thọ dụng không thể nói, sắc phi sắc kia thân lượng lớn nhỏ như danh tướng vô kiến chỉ tùy cơ mà hiện, nên thân thọ dụng tướng tốt chẳng phải không”. Kinh Thập Địa nói: “Bồ-tát Sơ địa thấy trăm cõi Phật, một cõi tức một đại thiên giới, trong một tiểu thiên giới có một ngàn đức Thích-ca. Đây là chỗ thấy của Tứ thiện căn, trăm ức Thích-ca là chỗ thấy của ba thừa, Sơ địa tự thấy một trăm Đức Thích-ca, một Lô-xá-na, như A-di-đà cũng là chỗ thấy này. Cho đến Bồ-tát Kim Cang ở cõi trời Sắc Cứu Cánh hiện hoa sen lớn, chu vi như mười A-tăng-kỳ trăm ngàn tam thiên đại thiên thế giới số lượng như cát bụi, một hạt bụi này tức một đại thiên giới, Bồ-tát ngồi ở đó thành Đẳng chánh giác, kia thấy Phật tốt cùng tuy có rất dễ. Hóa thân thì bất định, như Thích-ca tướng sáu, Di-lặc ngàn thước... Nếu theo Chung giáo, như trong Khởi Tín Luận thì Thể đi và Tướng đại thuộc về Pháp thân, Pháp thân này là theo duyên tạo, ba cõi sáu đường phần nhiều do tâm chúng sinh, không mất một thân giải mà sinh, lại thường vắng lặng bất ngôn lự. Theo trong dụng đại chân như, nói về dụng của báo thân và hóa thân. Dụng này có hai thứ:

Theo sự thức, là chỗ thấy của phàm phu, Tiểu thừa gọi là ứng thân. Nghĩa là không biết Duy thức chấp có ngoại trần, chỉ biết sáu thức mà không biết thức thứ bảy và thức tám, cho nên không thấy tướng nhỏ nhiệm của báo thân.

Theo nghiệp thức, là từ Thập trụ trở lên, các Bồ-tát hiểu được Duy thức nên thấy báo thân, mỗi thân, mỗi sắc, mỗi một tướng, mỗi vẻ đẹp và giới trụ đều không giới hạn, vô lượng vô biên. Chánh báo, y báo không thể nghĩ bàn không chướng ngại như thế, đều do mười độ hạnh

huân và bản giác bất tư nghi huân mà thành tự.

Nếu theo Đốn giáo thân Phật khởi nói năng đều là vọng niệm vì dứt ngôn ngữ ý niệm, lại xúc cảnh tức Phật, chẳng luận thời gian nơi chốn. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “chư Phật ở các thế giới mười phương, tất cả chúng sinh đều thấy Pháp thân thanh tịnh mẫu nhiệm của bậc Thiên nhân tôn, là thường thấy thân Phật mà tự không biết”

Nếu theo Viên giáo thì trùm khắp pháp giới, mười thân Phật mỗi mỗi tướng như cũng trùm khắp pháp giới, nghiệp dụng cũng như thế. Nghiệp dụng như thế là chỗ thấy của Phổ Nhãn. Ngoài ra tiểu Bồ-tát, phạm phu, Tiểu thừa không thể thấy, năm trăm vị Thanh văn như Xá-lợi-tử... không thấy được thân Phật và hội trang nghiêm... thích là nghĩa này. Như phẩm Xá-na nói:

*“Thân Phật trùm khắp giới  
Hiện khắp trước chúng sinh  
Thọ ký căn cơ mãn  
Xưa Phật dưới Bồ-đề  
Cõi Phật nhiều như bụi...  
Tòa Phật, lỗ chân lông  
Hiện vô lượng Bồ-tát  
Mỗi người đều vì Phật  
Giảng nói hạnh Phổ Hiền”.*

Lại nói: “Hoặc làm mặt trời, mặt trăng đi trong hư không, hoặc làm giếng nước sông hồ... tạo ba thứ thế gian như thế. Ba thứ thế gian viên mãn tức Phật. Văn kinh trên đây chính là phần hạn của tông này.

Nếu nói vì căn cơ mà hiện thân, như trong tri thức Thiện Tài, Phật vì Tỳ-kheo hải thí mà, ngồi trên tòa sen lớn trong biển cả. Thân Phật này cao tới trời Hữu Đảnh nói pháp môn Phổ Nhãn. Dù cho có người dùng mực nhiều như nước biển lớn, viết chất cao như núi Tu-di biên chép một phẩm pháp môn này, cho đến một câu, cũng không viết được một phần nhỏ, huống chi có thể viết hết.

Trong phẩm Thập Địa vì Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt... mà Bồ-tát Kim Cang Tạng trong một lỗ chân lông thị hiện tất cả đại chúng và một thân Phật, thân kia cao bằng trăm ngàn muôn đại thiên giới, chu vi tính bằng mười muôn đại thiên giới, nên có thể ở dưới cây kia thị hiện thân Phật tên là Nhất Thông Vương Như Lai... Thân Phật như thế là theo căn cơ mà thị hiện chút phần, chẳng phải toàn phần. Lại, Giải Thoát bạch Phật rằng: “Thần lực của Bồ-tát, thần lực của Phật như thế nào?” Kim Cang tạng nói: “Như lấy một nắm đất trong bốn thiên hạ đất còn lại thì

vô lượng”. Lại nói rằng: “Nếu đất trong bốn thiên hạ so với một nắm đất, đất nào nhiều? Như nước bốn biển và một giọt nước, ta thấy ông hỏi cũng giống như thế, thần lực của chư Phật không thể lường được”.

### **3. Chỗ giáo hóa cộng, bất cộng:**

Nếu theo Tiểu thừa như Ca-diếp, Xá-lợi-tử... là đệ tử thường theo Phật, nên nói là cộng. Theo Thỉ giáo là thân tự tánh vô phân biệt, tha thọ dụng và hóa thân bất cộng. Nghĩa là Đức Thích-ca, Ngài Từ Thị đều thờ Phật ĐỂ-sa. Phật kia quán sở hóa, Năng tịch thành tựu trước, Từ Thị thành Phật sau. Quán năng hóa Ngài Từ Thị thành tựu trước, Đức Thích-ca thành tựu sau. Nhập định Hỏa Quang khiến Đức Thích-ca thấy bảy ngày bảy đêm, liền nhất chân khen ngợi khiến Đức Thích-ca vượt khỏi Ngài Từ Thị thành Phật trước, nên nói bất cộng. Nếu theo Chung giáo, phần nhiều nói là cộng. Nghĩa là mỗi vị Phật thông suốt mười phương cõi giáo hóa chúng sinh, phước trí bình đẳng đồng cầu Bồ-đề, nên nói là Cộng. Nếu theo Đốn giáo không thể nói tướng trạng của năng hóa sở hóa. Nếu theo Viên giáo, một vị Phật một cõi. Khi nói Hoa Nghiêm tất cả giới bảy chỗ chín hội đồng nói pháp này, không khác không riêng, không chướng không ngại, tất cả chánh báo như đầu sợi lông lỗ chân lông, tất cả y báo ở trong hạt bụi. Bảy chỗ chín hội cũng giống như thế. Các hội đều có các đại Bồ-tát như Phổ Hiền, Văn thù... thường nghe Viên giáo không thể tận cùng, nên nói cộng.

### **4. Định về quyền thật:**

Theo Tiểu thừa thì sinh thân là giả, do bốn đại tạo thành Pháp thân thật đầy đủ năm phần. Nếu theo Thỉ giáo trong đó bốn câu của kinh Tối Thắng nói:

Sau khi diệt độ Phật, dùng nguyện lực hiện thân rồng, quỷ... chẳng hiện thân Phật.

Ứng, trong bốn gốc lành chỗ thấy đại thiên ứng thân không thuộc về năm đường.

Điều có, vì người Tam hiền và Tiểu thừa nên hay giáo hóa. Vì ứng thân hiện khổ đồng loại nên gọi là hóa thân.

Điều chẳng có, là Pháp thân.

Trong bốn câu này, ba câu trước là quyền, thân hóa hiện; một câu sau là Phật vì chẳng biến hóa. Trong đây tha thọ dụng ứng thân, thuộc về tự thọ dụng nhập Pháp thân. Lại, tha thọ biến hóa cũng có cha mẹ, nên kinh Cổ Âm Vương nói: “Phật A-di-đà, cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan, con tên Nguyệt Minh, đệ tử thị giả tên Vô Cấu Xưng, ma vương tên Vô Thắng, Điều-đạt tên Tịch”. Luận Vô

Lượng Thọ kinh chép: “Người nữ và người căn thiếu hạt giống Nhi thừa không sinh, cội kia đã là cội báo thật không có người nữ, Phật và Bồ-tát hóa làm mẹ... là hóa phần đoạn”. Nhưng chẳng phải trước ở cội trời xuống phương dưới thành Phật, nên cùng thân ở dưới cội cây hoàn toàn khác nhau. Lại tha thọ dụng cũng diệt độ, kinh Quán Âm Thọ Ký nói: “Phật A-di-đà thọ vô lượng kiếp, đến rốt cùng sau khi diệt độ, lúc đó Bồ-tát Quán Âm xuất phát tướng sáng dưới cội cây Bồ-đề bảy báu, thành Đẳng chánh giác, hiệu là Phật Phổ Quang Công Đức Sơn Vương cội nước tên Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm, hơn cội Phật A-di-đà trăm ngàn ức lần không thể so sánh. Phật diệt độ rồi, ngài Thế Chí thành Phật tên Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương. Như thế tức thân thành Phật cũng là tha thọ dụng.

Nếu theo Chung giáo, dùng nghĩa ba đời nhiếp chung thân Phật. Nghĩa là Thế đại và Tướng đại tự là Pháp thân, cho nên là thật. Dùng chân như dụng đại nhiếp báo thân và hóa thân cũng là có quyền có thật. Thế nào là thật? Báo thân nên là thật. Luận nói: “Tự nhiên có dụng không thể nghĩ bàn, tức cùng chân như đồng khắp tất cả chỗ. Cho đến thân có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, nên là thật tùy căn cơ lợi ích chúng sinh”. Luận nói: Chỉ tùy theo chúng sinh thấy nghe được lợi ích”, cho nên là quyền.

Hỏi: Nếu theo nghĩa này thì dụng từ chân khởi, vì sao nói chuyển thức hiện?

Đáp: Chuyển thức tức chuyển tướng trong A-lại-da vừa khởi, hiện thức hiện các cảnh giới, thức này tức là chân vọng hòa hợp. Nếu theo dòng sinh tử thì vọng có công năng. Vọng tuy có công mà lìa chân không lập. Nếu ngược dòng xuất triền, chân có công năng.

Chân tuy có công năng mà lìa vọng chẳng hiện, nên về mặt duyên khởi hòa hợp thức nói kia là dụng.

Hỏi: Nếu như vậy, trong tự tâm chúng sinh là dụng của chân như, sao nói là báo thân, hóa thân của Phật?

Đáp: Tâm chân như của chúng sinh tức là thể của chư Phật, nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Nếu người muốn biết tất cả Phật trong ba đời, thì phải quán như thế, tâm tạo các Như Lai”. Kinh Bất Tăng Bất Giảm chép: “Pháp thân tức chúng sinh, chúng sinh tức Pháp thân. Pháp thân cùng chúng sinh nghĩa một mà tên khác”. Đã từ Pháp thân khởi dụng báo hóa thì sao chẳng phải chân tâm chúng sinh được?

Hỏi: Nếu nghĩa như vậy, tâm Phật chúng sinh lại tự giáo hóa chúng sinh. Đâu phải là nguyện lực từ bi của Phật?



Đáp: Ngay chân tâm này là bi nguyện của Phật. Nghĩa là đại bi vô duyên và nguyện vô ngại tự thể... tức sinh khởi đại dụng.

Hỏi: Chúng sinh từ vô thủy có tâm, vì sao không sớm khởi dụng hóa?

Đáp: Vì Chưa có tâm chán cầu.

Hỏi: Trước có bản giác tại sao không sớm nói để khởi chán cầu?

Đáp: Vì đây do vô minh dày mỏng khác nhau, nhân duyên thiếu sót lẫn nhau khuyết không bình đẳng.

Hỏi: Nếu chân tâm tức Phật, vì sao trong luận nói từ nhân thập độ sinh?

Đáp: Đây là nói về nghĩa bản giác theo duyên nhưng Thử giác kia khi đến nguồn tâm bình đẳng một mé có khác nhau gì? Nếu theo Thử giáo, thì do bi nguyện của Phật làm duyên tăng thượng, các căn cơ cảm hạt giống làm nhân duyên, nên nói Phật bản giác bản chất trên tự tâm biến hiện ra ảnh tượng, nên nói trong tự thức hiện.

Hỏi: Chỗ trí thành đạo Phật là thật hay quyền? Nếu là quyền, vì sao kinh Lăng-già nói: “Cõi Dục và cõi vô sắc, Phật không ở đó thành Phật. Trời cõi sắc tối thượng lia dục thành Bồ-đề”. Nếu là thật, vì sao luận nói: “Thị hiện thân lớn cao nhất trong tất cả thế gian”?

Đáp: Có hai lối giải thích:

Do nương Thập Vương mà nói về Thập địa khác nhau. Nay Thập địa Bồ-tát tương đương Thiên vương này, tức ở cõi trời này thị hiện thành Bồ-đề, nên ở cõi trời kia.

Nay chánh văn của luận này là ý của kinh kia, nên nói như vậy. Nếu nói về nghĩa thật thọ dụng, trùm khắp pháp giới, chẳng chỗ nào không có. Ở cõi trời kia thành Phật là vì các chúng Bồ-tát mà hiện sắc tướng, chẳng phải thật báo thân. Chỉ ở cõi trời kia mà nói về nghĩa này nên nói như thế.

Hai lối giải thích này, theo Chung giáo nói rõ vi tế Phật là quyền. Nếu theo Thử giáo là thật báo thân. Nên phần thứ tư của Du-già nói: “Lại có Bồ-tát Thập địa siêu vượt cõi Tịnh Cư đại tự tại, vì tội cùng huân tu địa thứ mười, nên được sinh về đó”, tức kinh Hoa Nghiêm nói: “Có cõi Diệu Tịnh vượt hơn ba cõi, Bồ-tát Thập địa sẽ sinh về đó”. Lại luận Thập Địa nói: “Hiện báo lợi ích thọ địa vị Phật, hậu báo lợi ích là chỗ sinh Ma-hê-thủ-la trí”. Bồ-tát Đẳng giác khi sắp thành Phật, đến cõi trời Sắc Cứu cánh ngồi trên hoa sen báu lớn mà thành Chánh giác. Được ở cõi này đã thành Phật rồi, cõi liền vô biên lại không có sự khác nhau”. Đây là nói về tự thọ dụng, trên chỉ Phật mới biết được, chẳng



phải cảnh giới của Thập địa ba thừa.

Nếu theo Đốn giáo, đối với thân tướng Phật quyền thật không khác, nhau chỉ một tánh thân. Nếu theo Viên giáo quyền thật dung thông, ba thứ thế gian viên mãn, tức là thân Phật.

#### **5. Tướng tốt nhiều ít:**

Nếu theo Tiểu thừa có ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp, nói là đức của thật báo. Nếu theo Thủ giáo thì tám mươi bốn ngàn tướng là thật, như phẩm Ly Thế Gian nói, ở đây chung cho cả Thủ Chung. Lại, trong kinh Phật Địa nói hai mươi một thù thắng, ở đây đứng về mặt Thủ và Chung. Trong Đốn giáo không nói tướng tốt khác nhau. Nếu y theo Viên giáo số bụi nhỏ bằng các thế giới trong mười biển Liên Hoa Tạng. Mỗi tướng tốt cùng khắp pháp giới, nghiệp dụng cũng giống như thế. Cho nên, nói mười là trình bày nghĩa vô tận, như phẩm Tướng Hải trong kinh Quán Phật Tam-muội theo ba tông này tướng tốt của Phật chia làm ba. Nên kinh ấy nói: “Lược trong lược là nay ta vì hội chúng lúc này và vua Tịnh Phạn mà lược nói tướng tốt. Phật sinh trong nhân gian thị hiện đồng với việc người, đồng với tướng người, nên nói ba mươi hai tướng. Xinh đẹp hơn các vị trời nên nói tam mươi vẻ đẹp. Vì các Bồ-tát nói tám mươi bốn ngàn tướng tốt màu nhiệm, tướng tốt thật của Phật. Lúc Ta mới thành đạo ở đạo tràng Tịch Diệt nước Ma-da-đà, vì các vị đại Bồ-tát Phổ Hiền, Hiền Thủ... ở kinh Tạp Hoa đã phân biệt rộng”.

Giải thích:

Trong đây có ba mươi hai tướng... tướng đương với lược trong lược, vì trời người, Nhị thừa... tức tướng đương cái ban đầu, tám mươi bốn ngàn... nghĩa tướng đương chỉ lược, vì các Bồ-tát ba thừa... tướng đương cái thứ hai. Tướng tốt thật của Phật, như kinh Tạp Hoa nói nghĩa tướng đương với nói rộng, tức chỉ cho phẩm Tướng Hải trong kinh Hoa Nghiêm.

#### **6. Chỗ thấy khác nhau:**

Ở đây thấy Đức Thích-ca các căn cơ đều khác, hoặc thấy Phật thân gầy như năm trăm bà-la-môn, hoặc thấy thân Phật cao ba thước chân như voi đen, như Trưởng giả Câu-chí-la, hoặc thấy Phật là thân cây, như Trưởng giả Đề-vị. Ba vị này đều là ba hạng tập khí ác đạo mà thấy Phật, đều là địa vị trời, người. Hoặc thấy thân bậc thánh La-hán như năm vị Kiều-trần-như..., Ca-diếp...; hoặc vừa phàm vừa thánh đó là thật báo thân do cha mẹ sinh, bốn đại tạo thành nên đồng với phàm. Đầy đủ năm phần Pháp thân, cả lậu tận nên là bậc thánh. Hoặc chẳng phải phàm chẳng phải thánh, thuộc về ba thân đại thừa, chẳng đồng

phàm phu Tiểu thừa. Hoặc là hóa thân chẳng phải Pháp thân báo thân, do đầy đủ tám tướng ở cõi Diêm-phù-đề. Sắc đành lập riêng thật báo kia như kinh Phạm Võng... nói, kinh này thuộc về Thỉ giáo. Hoặc là báo thân chẳng phải Pháp thân hóa thân, tức thân này đầy đủ hai mươi một công đức cao quý thân thọ dụng như kinh Phật Địa nói, ở đây thuộc Chung giáo. Hoặc là Pháp thân chẳng phải báo thân hóa thân, vì sắc tức như, như kinh Niết-bàn nói: “Nay thân này của ta là Pháp thân”, đây thuộc Đốn giáo. Hoặc chẳng phải Pháp thân chẳng phải báo thân hóa thân, vì là mười vị Phật chung cả ba thế gian, đầy đủ chủ bạn, ở đây thuộc về Viên giáo. Vì thế, thân Đức Thích-ca viên dung vô ngại rất khó nghĩ bàn.

### **7. Thân Phật khai hợp:**

Nếu theo Tiểu thừa thì lập hai thứ thân:

Sinh thân do bốn đại chung thành.

Pháp thân đầy đủ năm phần.

Nếu theo Đại thừa, hoặc lập hai thứ thân Phật, ở đây có năm thứ:

Trong kinh Thâm Mật lập hai thân Phật là Pháp thân và Giải thân thoát, tức chung với Nhị thừa.

Trong luận Bát-nhã của ngài Thế Thân cũng có hai thứ thân Phật là chân Phật tức Pháp thân, và phi chân Phật tức Báo thân và Hóa thân.

Trong Luận Phật Địa lập hai thứ thân Phật là:

1. Sinh thân: Cũng là Phật thế tục, tức hóa thân và tha thọ dụng.

2. Pháp thân, cũng là thắng nghĩa Phật cũng là báo thân Phật.

Ba thứ trên đây là nói theo Thỉ giáo.

Kinh Bốn Nghiệp lập hai thứ thân Phật là tự tánh Pháp thân và ứng hóa Pháp thân.

Luận Bảo Tánh nói có hai thứ là thân tịch tĩnh pháp giới và thân được nhân kia.

Hai thứ trên đây là nói theo Chung giáo.

Hoặc lập ba thân, như trong kinh Kim Quang Minh lấy bảy lần trở lại nói ba thân khác nhau... đây đứng về mặt Thỉ giáo. Hoặc lập bốn thân Phật như kinh Lăng-già nói ứng hóa Phật, công đức Phật, trí tuệ Phật và như như Phật. Một loại đầu là hoá thân, hai loại kế là thọ dụng, là y theo phước trí chia hai, một loại sau cùng là Pháp thân. Lại chung cả báo thân hoặc lập mười thân Phật trong đây có bốn:

Luận Phật Địa nói một là Hiện đẳng giác Phật, cho đến thứ mười là Tùy lạc Phật.

Kinh Pháp Tập nói có mười loại thân Phật, một là Tập Phật khí, cho đến thứ mười là Phật Hình tượng.

Kinh Hoa Nghiêm thứ năm mươi ba bản tân dịch nói Thành Chánh giác Phật cho đến thứ mười là Tùy lạc Phật.

Phẩm Ly Thế Gian thứ năm mươi tám nói Bồ-tát có mười thứ thấy Phật là: Di an trụ thế gian thành Chánh giác Phật vô trước kiến, Nguyên Phật xuất sinh kiến, Nghiệp báo Phật Thâm trụ trì Phật tùy thuận kiến, Niết-bàn Phật thâm tín kiến, Pháp giới Phật phổ chí kiến, Phật tâm an lạc kiến, Tam-muội Phật vô lượng vô y kiến, Bốn tánh Phật minh liễu kiến, Tùy lạc hóa phổ thọ kiến, nếu các Bồ-tát an trụ pháp này thì thường được thấy vô thượng Như Lai.

Trong bốn thứ này, hai thứ sau theo Nhất thừa Viên giáo, vì hiển bày vô tận nói mười thứ thân Phật... Luận Phật Địa có mười thứ thân Phật, tên tuy khác mà nghĩa đồng. Kinh Pháp Tập có mười thứ thân Phật, đây cùng mười thứ thân Phật của kinh Hoa Nghiêm, thể tướng hoàn toàn khác.

#### **8. Giới hạn chỗ giáo hóa:**

Nếu theo Tiểu thừa chỉ có cõi Ta-bà tạp cấu này là cõi của báo Phật, trong đây cõi Diêm-phù-đề là chỗ báo Phật nương. Ngoài ra trăm ức... là phần hạn của hóa cảnh. Nếu y theo Thủ giáo cõi thân báo của Phật Thích-ca ở cõi trời Sắc Cứu Cánh, hóa thân ở trăm ức thế giới. Ở đây e Tiểu thừa không tin ngoài thế giới có cõi thật, cho nên nương nói theo chỗ tối thắng trong thế giới. Nếu nói theo Chung giáo Phật Thích-ca ở ngoài ba cõi, như Niết-bàn nói: “Phương tây cách đây có ba mươi hai hằng sa cõi Phật, có thế giới tên Vô Thắng là cõi thật báo của Phật Thích-ca”. Vì hiển bày thân sắc danh không thật, hoặc hóa cảnh chẳng phải cùng trăm ức. Như Luận Trí Độ nói: “Lấy một cõi đại thiên làm một số, cho đến hằng sa làm một tánh thế giới. Lại số kia đến hằng sa làm biển thế giới, số đến vô lượng hằng sa làm các thứ thế giới, số đến mười phương vô lượng hằng sa, làm chỗ giới hạn của một vị Phật giáo hóa. Nếu theo Viên giáo, như kinh Pháp Hoa nói: “Ta thường ở tại Linh Sơn”, luận kia giải thích là cõi báo độ. Nếu theo Đốn giáo, Niết-bàn nói: “Nay thân này của ta tức là Pháp thân, nên cõi pháp tánh không giới hạn”. Nếu theo Biệt giáo, thì ở đây có hai thứ:

Biển cõi nước không thể nói tới, nếu nương lời nói trình bày như hội thứ hai, ban đầu là phẩm Quang Minh nói. Biển thế giới, có ba loại:

Biển thế giới Liên Hoa Tạng có đủ chủ bạn, hiển bày vô tận tức

cảnh của mười vị Phật.

Ngoài ba thiên cõi có mười thứ biến thế giới: 1- Thế giới Tánh.

1- Thế giới Hải. 3- Thế giới Luân.

4- Thế giới Viên mãn. 5- Thế giới Phân biệt. 6- Thế giới Xoay toàn. 7- Thế giới Chuyển.

8- Thế giới Hoa Sen. 9- Thế giới Tu-di.

10- Thế giới tướng.

Tức là cảnh giới của Luân vương có muôn người con trở lên.

Thế giới vô lượng tạp loại, đều trùm khắp pháp giới như một loại núi bên cạnh số lượng thế giới Tu-di, tức tốt cùng hư không khắp pháp giới. Lại như có thế giới hình cây... cho đến tất cả các hình... đều cũng giống như thế, đều khắp pháp giới không chướng ngại nhau.

Ba địa vị trên đây đều được mười thân Lô-xá-na nhiếp hóa. Lại bốn mặt viên dung nhiếp nhau vô ngại, tùy theo một thế giới, tức đứng về mặt thô mà có ba thứ này, cho nên hoàn toàn khác với ba thừa.

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN NỘI NGHĨA LƯỢC THÁM KÝ. HẾT

